

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---



ISO 9001 : 2008

# **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Nguyễn Thị Mơ  
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Phạm Thị Mai Quyên**

**HẢI PHÒNG - 2015**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU,  
CÔNG CỤ DỤNG CỤ TẠI CÔNG TY TNHH XÁ Y LẮP  
TRÀNG KÊNH**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY  
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TÓAN**

**Sinh viên : Nguyễn Thị Mơ  
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Phạm Thị Mai Quyên**

**HẢI PHÒNG - 2015**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

Sinh viên: Nguyễn Thị Mơ

Mã SV: 1112401223

Lớp: QT1532K

Ngành: Kế toán - Kiểm toán

Tên đề toán: Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng  
cụ tại Công ty TNHH xây lắp Tràng Kênh

# **NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI**

## **1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp**

**( về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).**

-Nghiên cứu lý luận chung về tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ trong doanh nghiệp.

- Khảo sát đánh giá thực trạng tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong doanh nghiệp.

- Đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện hơn tổ chức kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong doanh nghiệp.

## **2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.**

**Sử dụng số liệu năm 2014**

## **3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.**

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN XÂY LẬP TRÀNG KÊNH**

## CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

### Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

### Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày      tháng      năm 2015

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày      tháng      năm 2015

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

*Sinh viên*

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

*Người hướng dẫn*

*Hải Phòng, ngày ..... tháng.....năm 2015*

**Hiệu trưởng**

**GS.TS.NGUYỄN Trần Hữu Nghị**

## PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

**1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:**

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):**

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):**

.....  
.....  
.....

*Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2015*

**Cán bộ hướng dẫn**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

## MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU .....	1
CHƯƠNG 1.....	3
NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU, CÔNG CỤ DỤNG CỤ Ở DOANH NGHIỆP XÂY LẮP .....	3
1.1 Những vấn đề chung về nguyên vật liệu(NVL) và công cụ dụng cụ (CCDC) ...	3
1.1.1 Khái niệm và đặc điểm của NVL và CCDC .....	3
1.1.2 Vị trí, vai trò của NVL và CCDC trong DN xây lắp .....	3
1.1.3 Yêu cầu quản lý NVL và CCDC trong doanh nghiệp xây lắp.....	4
1.2 Nội dung công tác kế toán NVL và CCDC .....	6
1.2.1 Nhiệm vụ của kế toán NVL, CCDC trong doanh nghiệp xây lắp. ....	6
1.2.2 Phân loại NVL và CCDC .....	6
1.2.2.1 Phân loại nguyên liệu, vật liệu .....	7
1.2.2.2 Phân loại công cụ dụng cụ: .....	8
1.2.3 Đánh giá NVL và CCDC .....	8
1.2.3.1 Đánh giá NVL, CCDC theo trị giá vốn thực tế.....	9
1.2.3.2 Đánh giá NVL,CCDC theo giá hạch toán.....	11
1.2.4 Hạch toán chi tiết NVL và CCDC.....	12
1.2.4.1 Chứng từ sử dụng.....	12
1.2.4.2 Phương pháp hạch toán chi tiết NVL và CCDC.....	12
1.2.5 Kế toán tổng hợp NVL và CCDC .....	18
1.2.5.1 Kế toán tổng hợp vật tư theo phương pháp kê khai thường xuyên.....	18
CHƯƠNG 2.....	27
THỰC TRẠNG KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU, CÔNG CỤ DỤNG CỤ ....	27
TẠI CÔNG TY TNHH XÂY LẮP TRÀNG KÊNH .....	27
2.1 Đặc điểm tình hình chung về Công ty TNHH xây lắp Tràng Kênh. ....	27
2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của công ty .....	27
2.1.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty .....	27
2.1.1.2. Chức năng, nhiệm vụ của công ty .....	28
2.1.2. Đặc điểm tổ chức quản lý kinh doanh của Công ty .....	29
2.1.2.1 Đặc điểm tổ chức sản xuất của Công ty.....	29
2.1.3 Đặc điểm cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty.....	31
2.1.4 Đặc điểm công tác kế toán tại công ty TNHH xây lắp Tràng Kênh .....	32
2.2. Thực trạng kế toán NVL – CCDC tại Công ty TNHH xây lắp Tràng Kênh .....	35

2.2.1 Đặc điểm công tác quản lý và phân loại nguyên vật liệu, CCDC tại công ty TNHH xây lắp Tràng Kênh.....	35
2.2.2 Phương pháp xác định giá trị nguyên vật liệu – công cụ dụng cụ.....	37
2.2.3. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu.....	38
2.2.3.1 Chứng từ, sổ kế toán sử dụng.....	38
2.2.3.2 Thủ tục nhập – xuất NVL, CCDC tại Công ty TNHH xây lắp Tràng Kênh .....	38
2.2.4. Kế toán tổng hợp NVL-CCDC .....	49
CHƯƠNG 3.....	64
MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC .....	64
KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU VÀ CÔNG CỤ DỤNG CỤ .....	64
TẠI CÔNG TY TNHH XÂY LẮP TRÀNG KÊNH.....	64
3.1. Nhận xét chung về công tác kế toán NVL và CCDC tại Công ty TNHH xây lắp Tràng Kênh.....	64
3.1.1. Những ưu điểm và kết quả đạt được .....	64
3.1.2. Những khó khăn tồn tại.....	65
3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại công ty TNHH xây lắp Tràng Kênh.....	66
3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán NVL và CCDC tại công ty TNHH xây lắp Tràng Kênh.....	66
3.2.2. Yêu cầu và nội dung hoàn thiện công tác kế toán NVL và CCDC tại công ty TNHH xây lắp Tràng Kênh.....	67
3.2.3. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán NVL và CCDC tại công ty TNHH xây lắp Tràng Kênh.....	67
KẾT LUẬN.....	71

## LỜI MỞ ĐẦU

Trong nền kinh tế thị trường các doanh nghiệp sản xuất muốn tồn tại và phát triển nhất định phải có phương pháp sản xuất kinh doanh phù hợp và hiệu quả. Một quy luật tất yếu trong nền kinh tế thị trường là cạnh tranh, do vậy mà doanh nghiệp phải tìm mọi biện pháp để đứng vững và phát triển trên thương trường, đáp ứng được nhu cầu và thị hiếu của khách hàng, sản phẩm đó phải đảm bảo chất lượng, và có giá thành phù hợp với túi tiền của người tiêu dùng. Đó là mục đích chung của các doanh nghiệp sản xuất nói chung và ngành xây dựng cơ bản nói riêng.

Để hạ giá thành sản phẩm thì có rất nhiều yếu tố liên quan, và một trong những yếu tố quan trọng cấu thành nên sản phẩm đó là nguyên vật liệu. Chi phí về nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ chiếm tỷ lệ khá lớn trong giá thành sản phẩm. Hạch toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ hợp lý, sử dụng tiết kiệm nhiên liệu đúng mục đích, đúng kế hoạch có ý nghĩa quan trọng trong việc hạ giá thành sản phẩm và thực hiện tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh.

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, tổ chức hạch toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ chặt chẽ và khoa học là công cụ quan trọng để quản lý tình hình nhập xuất, dự trữ, bảo quản sử dụng và thúc đẩy việc cung cấp đồng bộ các loại vật liệu cần thiết cho sản xuất, đảm bảo tiết kiệm vật liệu, giảm chi phí vật liệu, tránh hư hỏng và mất mát... góp phần hạ giá thành sản phẩm, tăng sức cạnh tranh và đem lại lợi nhuận cao cho doanh nghiệp. Đòi hỏi các doanh nghiệp không ngừng nâng cao trình độ quản lý sản xuất kinh doanh, đặc biệt trong quản lý và sử dụng nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, đây là yếu tố hết sức quan trọng, có ý nghĩa quyết định đến sự sống còn của doanh nghiệp.

Xuất phát từ lý do trên, sau thời gian thực tập tại Công ty TNHH xây lắp Tràng Kênh, được sự giúp đỡ tận tình của Giám đốc, đặc biệt là các cô, các chú, các anh chị trong phòng kế toán, em đã được làm quen và tìm hiểu thực tế công tác kế toán tại đơn vị. Cùng với sự hướng dẫn của cô giáo - Thạc sĩ Phạm Thị Mai Quyên, em đã đi sâu tìm hiểu, nghiên cứu và lựa chọn đề tài: **“Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại Công ty TNHH xây lắp Tràng Kênh”** làm khóa luận tốt nghiệp.

Kết cấu đề tài gồm 3 phần:

**Phần 1: Những vấn đề lý luận chung về kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ ở doanh nghiệp xây lắp.**

**Phần 2: Thực trạng kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại Công ty TNHH xây lắp Tràng Kênh.**

**Phần 3: Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại Công ty TNHH xây lắp Tràng Kênh.**

Em xin chân thành cảm ơn các thầy cô giáo đã hướng dẫn em trong quá trình học tập tại nhà trường; đặc biệt em xin cảm ơn Thạc sĩ Phạm Thị Mai Quyên đã hướng dẫn em hoàn thành bài khóa luận này!

## CHƯƠNG 1

### NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU, CÔNG CỤ DỤNG CỤ Ở DOANH NGHIỆP XÂY LẮP

#### 1.1 Những vấn đề chung về nguyên vật liệu(NVL) và công cụ dụng cụ (CCDC)

##### 1.1.1 Khái niệm và đặc điểm của NVL và CCDC

###### ❖ Nguyên vật liệu

Khái niệm: NVL của doanh nghiệp là những đối tượng lao động mua ngoài hoặc chủ yếu tự chế biến trong quá trình chế biến sản phẩm. Thông thường giá trị NVL chiếm tỷ lệ cao trong giá thành sản phẩm. Do đó, việc quản lý và sử dụng NVL có hiệu quả góp phần hạ giá thành và nâng cao hiệu quả của quá trình sản xuất kinh doanh (SXKD) trong doanh nghiệp (DN).

Đặc điểm: trong quá trình tham gia vào hoạt động SXKD, NVL chỉ tham gia vào một chu kỳ sản xuất và biến đổi hình thái vật chất ban đầu để cấu thành nên thực thể của sản phẩm mới. NVL khi tham gia vào quá trình sản xuất, giá trị của NVL sẽ được chuyển dịch hết một lần vào chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm.

###### ❖ Công cụ dụng cụ

Khái niệm: CCDC là những tư liệu lao động không có đủ những tiêu chuẩn về giá trị và thời gian sử dụng quy định đối với TSCĐ.

Đặc điểm: CCDC tham gia vào nhiều chu kỳ sản xuất, nhưng vẫn giữ nguyên được hình thái vật chất ban đầu. Trong quá trình tham gia vào sản xuất, giá trị CCDC có những đặc điểm giống NVL về chủng loại rất nhiều. CCDC sử dụng thường xuyên trong quá trình sản xuất, giá trị CCDC bị hao mòn dần và được dịch chuyển một lần vào giá trị của sản phẩm mới và chuyển từng phần vào chi phí SXKD trong kỳ

##### 1.1.2 Vị trí, vai trò của NVL và CCDC trong DN xây lắp

Trong doanh nghiệp xây lắp chi phí về vật liệu thường chiếm tỷ trọng lớn từ 65%- 70% trong tổng giá trị công trình. Do vậy việc cung cấp nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ kịp thời hay không có ảnh hưởng to lớn đến việc thực hiện kế hoạch sản xuất (tiến độ thi công xây dựng) của doanh nghiệp, việc cung cấp nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ còn cần quan tâm đến chất lượng. Chất lượng các công trình phụ thuộc trực tiếp vào chất lượng của vật liệu mà chất lượng công trình là một điều kiện tiên quyết để doanh nghiệp tồn tại và giữ uy tín trên

thị trường. Trong cơ chế thị trường hiện nay việc cung cấp vật liệu còn cần đảm bảo giá cả hợp lý tạo điều kiện cho doanh nghiệp làm ăn có hiệu quả.

Bên cạnh đó, CCDC cũng là tư liệu lao động nhưng không có đủ tiêu chuẩn quy định về giá trị và thời gian sử dụng của TSCĐ. Trong quá trình thi công XD, chi phí SX cho ngành XD gắn liền với việc sử dụng nguyên – nhiên vật liệu, máy móc và các thiết bị thi công XD. Trong quá trình đó, CCDC cũng là một trong những yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất nhằm tạo ra sản phẩm mới và cấu thành nên sản phẩm kinh doanh

Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ có vị trí, vai trò hết sức quan trọng đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, nếu thiếu nguyên vật liệu - công cụ dụng cụ thì không thể tiến hành được các hoạt động sản xuất vật chất nói chung và quá trình thi công xây lắp nói riêng.

### ***1.1.3 Yêu cầu quản lý NVL và CCDC trong doanh nghiệp xây lắp.***

Xây dựng cơ bản là một ngành sản xuất vật chất mang tính chất công nghiệp, sản phẩm của ngành xây dựng là những công trình, hạng mục công trình có quy mô lớn, kết cấu phức tạp và thường cố định ở nơi sản xuất (thi công) còn các điều kiện khác đều phải di chuyển theo địa điểm xây dựng. Từ đặc điểm riêng của ngành xây dựng làm cho công tác quản lý, sử dụng nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ phức tạp vì chịu ảnh hưởng lớn của môi trường bên ngoài nên cần xây dựng định mức cho phù hợp với điều kiện thi công thực tế. Quản lý nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ là yếu tố khách quan của mọi nền sản xuất xã hội. Tuy nhiên, do trình độ sản xuất khác nhau nên phạm vi mức độ và phương pháp quản lý cũng khác nhau.

Hiện nay nền sản xuất ngày càng mở rộng và phát triển trên cơ sở thoả mãn không ngừng nhu cầu vật chất và văn hóa của mọi tầng lớp trong xã hội. Việc sử dụng nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ một cách hợp lý, có kế hoạch ngày càng được coi trọng. Công tác quản lý nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ là nhiệm vụ của tất cả mọi người nhằm tăng hiệu quả kinh tế cao mà hao phí lại thấp nhất. Công việc hạch toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ ảnh hưởng và quyết định đến việc hạch toán giá thành, cho nên để đảm bảo tính chính xác của việc hạch toán giá thành thì trước hết cũng phải hạch toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ chính xác.

Để làm tốt công tác hạch toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trên đòi hỏi chúng ta phải quản lý chặt chẽ ở mọi khâu từ thu mua, bảo quản tới khâu dự trữ và sử dụng.

- Trong khâu thu mua NVL, CCDC: Phải được quản lý về số lượng, chất lượng, quy cách, chủng loại, giá mua và chi phí thu mua, thực hiện kế hoạch mua theo đúng tiến độ, thời gian phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Vì vậy, Doanh nghiệp phải thường xuyên phân tích tình hình thu mua NVL và CCDC, tìm hiểu nguồn cung cấp để lựa chọn nguồn mua, bảo đảm về số lượng, chủng loại, quy cách với giá cả, chi phí mua là thấp nhất.

- Trong khâu bảo quản: Phải đảm bảo tổ chức kho tàng, bến bãi thực hiện đúng chế độ bảo quản đối với từng loại nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tránh hư hỏng, mất mát, hao hụt, đảm bảo an toàn cũng là một trong các yêu cầu quản lý vật liệu, công cụ dụng cụ.

- Trong khâu dự trữ: Đòi hỏi doanh nghiệp phải xác định được mức dự trữ tối đa, tối thiểu để đảm bảo cho quá trình thi công xây lắp được bình thường, không bị ngừng trệ, gián đoạn do việc cung ứng vật tư không kịp thời hoặc gây ứ đọng vốn do dự trữ quá nhiều.

- Trong khâu sử dụng: Sử dụng hợp lý, tiết kiệm trên cơ sở định mức tiêu hao và dự toán chi phí có ý nghĩa quan trọng trong việc hạ thấp chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm nhằm tăng lợi nhuận, tăng tích lũy cho doanh nghiệp. Do vậy trong quá trình sử dụng cần phải tổ chức tốt việc ghi chép, phản ánh tình hình xuất vật liệu, công cụ dụng cụ đúng trong sản xuất kinh doanh. Định kỳ tiến hành việc phân tích tình hình sử dụng vật liệu, công cụ dụng cụ cũng là những khoản chi phí vật liệu cho quá trình sản xuất sản phẩm nhằm tìm ra nguyên nhân dẫn đến tăng hoặc giảm chi phí vật liệu cho một đơn vị sản phẩm, khuyến khích việc phát huy sáng kiến cải tiến, sử dụng tiết kiệm vật liệu, công cụ dụng cụ, tận dụng phế liệu...

Tóm lại, quản lý vật liệu, công cụ dụng cụ từ khâu thu mua, bảo quản, dự trữ, sử dụng là một trong những nội dung quan trọng của công tác quản lý doanh nghiệp luôn được các nhà quản lý quan tâm và đó là cơ sở để cấp lãnh đạo đưa ra quyết định đúng đắn.

## 1.2 Nội dung công tác kế toán NVL và CCDC

### 1.2.1 Nhiệm vụ của kế toán NVL, CCDC trong doanh nghiệp xây lắp.

Kế toán là công cụ phục vụ việc quản lý kinh tế vì thế để đáp ứng một cách khoa học, hợp lý xuất phát từ đặc điểm của vật liệu, công cụ dụng cụ; từ yêu cầu quản lý NVL và CCDC; từ chức năng của kế toán vật liệu, công cụ dụng cụ trong các doanh nghiệp sản xuất cần thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Ghi chép, phản ánh đầy đủ kịp thời số hiện có và tình hình luân chuyển của nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ cả về giá và hiện vật. Tính toán đúng đắn trị giá vốn (hoặc giá thành) thực tế của NVL và CCDC nhập, xuất kho nhằm cung cấp thông tin kịp thời chính xác phục vụ cho yêu cầu lập báo cáo tài chính và quản lý doanh nghiệp.

- Kiểm tra tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch, phương pháp kỹ thuật về hạch toán NVL và CCDC. Đồng thời, hướng dẫn các bộ phận, các đơn vị trong doanh nghiệp thực hiện đầy đủ các chế độ hạch toán ban đầu về NVL và CCDC. Phải hạch toán đúng chế độ, đúng phương pháp quy định để đảm bảo sự thống nhất trong công tác kế toán.

- Kiểm tra việc chấp hành chế độ bảo quản, dự trữ và sử dụng NVL và CCDC. Từ đó phát hiện, ngăn ngừa và đề xuất những biện pháp xử lý NVL thừa, thiếu, ứ đọng, kém hoặc mất phẩm chất. Giúp cho việc tính toán, xác định chính xác số lượng và giá trị NVL thực tế đưa vào sản xuất sản phẩm.

- Tổ chức kế toán phù hợp với phương pháp kế toán hàng tồn kho, cung cấp thông tin cho việc lập báo cáo tài chính và phân tích hoạt động kinh doanh.

- Tổ chức ghi chép, phản ánh tổng hợp số liệu về tình hình thu mua, vận chuyển bảo quản, đánh giá phân loại tình hình nhập xuất và bảo quản NVL và CCDC. Từ đó, đáp ứng được nhu cầu quản lý thống nhất của Nhà nước cũng như yêu cầu quản lý của DN trong việc tính giá thành thực tế của nguyên vật liệu và CCDC đã thu mua và nhập kho, đồng thời kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch thu mua vật tư về số lượng chủng loại, giá cả và thời hạn cung cấp NVL và CCDC một cách đầy đủ, kịp thời.

### 1.2.2 Phân loại NVL và CCDC

Trong các doanh nghiệp sản xuất vật liệu - công cụ dụng cụ bao gồm rất nhiều loại khác nhau, đặc biệt là trong ngành xây dựng cơ bản với nội dung kinh tế và tính năng lý hoá học khác nhau. Để có thể quản lý chặt chẽ và tổ chức hạch toán chi tiết tới từng loại vật liệu, công cụ dụng cụ phục vụ cho kế hoạch quản

trị ... cần thiết phải tiến hành phân loại và đánh giá nguyên vật liệu - công cụ dụng cụ.

### **1.2.2.1 Phân loại nguyên liệu, vật liệu**

❖ **Căn cứ vào công dụng kinh tế và vai trò của từng loại NVL trong quá trình sản xuất kinh doanh, có thể chia NVL thành:**

- Nguyên vật liệu chính: là những loại nguyên liệu, vật liệu tham gia trực tiếp vào quá trình sản xuất để cấu tạo nên thực thể bản thân của sản phẩm.

Trong ngành XDCCB còn phải phân biệt vật liệu xây dựng, vật kết cấu và thiết bị xây dựng. Các loại vật liệu này đều là cơ sở vật chất chủ yếu hình thành lên sản phẩm của đơn vị xây dựng, các hạng mục công trình xây dựng nhưng chúng có sự khác nhau. Vật liệu xây dựng là sản phẩm của ngành công nghiệp chế biến được sử dụng trong đơn vị xây dựng để tạo lên sản phẩm như hạng mục công trình, công trình xây dựng như gạch, ngói, xi măng, sắt, thép... Vật kết cấu là những bộ phận của công trình xây dựng mà đơn vị xây dựng sản xuất hoặc mua của đơn vị khác để lắp vào sản phẩm xây dựng của đơn vị mình như thiết bị vệ sinh, thông gió, truyền hơi ẩm, hệ thống thu lồi...

- Nguyên vật liệu phụ: là loại vật liệu khi tham gia vào quá trình sản xuất không cấu thành nên thực thể sản phẩm, mà chỉ kết hợp với nguyên vật liệu chính để làm tăng chất lượng sản phẩm hoặc phục vụ cho công tác quản lý, phục vụ thi công, cho nhu cầu công nghệ kỹ thuật bao gói sản phẩm. Trong ngành xây dựng cơ bản gồm: sơn, dầu, mỡ... phục vụ cho quá trình sản xuất.

- Nhiên liệu: là những loại vật liệu có tác dụng cung cấp nhiệt lượng cho quá trình sản xuất. Nhiên liệu có thể tồn tại ở thể khí, lỏng, rắn như: xăng, dầu, than củi, hơi đốt dùng để phục vụ cho công nghệ sản xuất sản phẩm, cho các phương tiện máy móc, thiết bị hoạt động.

- Phụ tùng thay thế: là các loại vật liệu được sử dụng cho việc thay thế, sửa chữa các loại tài sản cố định, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải...

- Vật liệu và thiết bị xây dựng cơ bản: bao gồm các loại vật liệu và thiết bị được sử dụng cho công việc xây dựng cơ bản. Đối với thiết bị xây dựng cơ bản bao gồm cả thiết bị cần lắp, không cần lắp, công cụ, khí cụ và kết cấu dùng để lắp đặt vào công trình XDCCB.

- Vật liệu khác: Là các loại vật liệu chưa được xếp vào các loại trên. Các loại vật liệu này do quá trình sản xuất loại ra như các loại phế liệu, vật liệu thu hồi do thanh lý...

❖ **Căn cứ vào nguồn cung cấp vật liệu, được chia thành:**

- Nguyên vật liệu mua ngoài: là nguyên vật liệu mà doanh nghiệp mua bên ngoài từ các nhà cung cấp.

- Vật liệu tự chế biến: là vật liệu do doanh nghiệp sản xuất ra và sử dụng như nguyên liệu để sản xuất sản phẩm.

- Vật liệu thuê ngoài gia công: là loại vật liệu thuê các cơ sở gia công làm nên.

- Nguyên vật liệu nhận góp vốn liên doanh: là nguyên vật liệu do các bên liên doanh góp vốn theo thỏa thuận trên hợp đồng liên doanh.

- Nguyên vật liệu được cấp: là nguyên vật liệu do đơn vị cấp trên cấp theo quy định...

❖ **Căn cứ vào mục đích sử dụng NVL hay nội dung quy định phản ánh chi phí NVL trên các tài khoản kế toán, vật liệu được chia thành:**

- Nguyên vật liệu trực tiếp dùng cho thi công xây lắp các công trình.

- Nguyên vật liệu dùng cho phục vụ quản lý phân xưởng, quản lý doanh nghiệp và các nhu cầu khác.

**1.2.2.2 Phân loại công cụ dụng cụ:**

Công cụ dụng cụ có nhiều loại, nhiều thứ, có loại nằm trong kho. Việc phân loại tùy thuộc vào yêu cầu quản lý đơn vị, có thể chia làm 3 loại sau:

- Công cụ dụng cụ.
- Bao bì luân chuyển.
- Đồ dùng cho thuê.

Nhưng trong một số trường hợp có những tư liệu lao động không phụ thuộc vào giá trị và thời hạn sử dụng vẫn được hạch toán như CCDC.

- Các lán trại tạm thời, đà giáo, công cụ dụng cụ.
- Các loại bao bì kèm theo hàng hóa để bảo quản hàng hóa vận chuyển trên đường và vận chuyển trong kho.
- Dụng cụ đồ nghề bằng thủy tinh, sành sứ.
- Quần áo, giày dép chuyên dùng để làm việc (bảo hộ lao động).

**1.2.3 Đánh giá NVL và CCDC**

Đánh giá NVL, CCDC là việc xác định giá trị của chúng theo các phương pháp nhất định. Về nguyên tắc, các loại NVL, CCDC thuộc hàng tồn kho của doanh nghiệp và khi đánh giá chúng thì cũng phải tuân thủ nguyên tắc đánh giá

hàng tồn kho. Đánh giá vật tư có ý nghĩa quan trọng trong việc hạch toán đúng đắn tình hình tài sản cũng như chi phí sản xuất kinh doanh. Đánh giá NVL, CCDC là dùng thước đo tiền tệ để biểu hiện giá trị của vật liệu thực tế, tức là toàn bộ số tiền mà doanh nghiệp bỏ ra để có được số vật tư hàng hóa đó. NVL, CCDC trong doanh nghiệp có thể được đánh giá theo trị giá gốc (hay còn gọi là giá vốn thực tế) và giá hạch toán.

### 1.2.3.1 Đánh giá NVL, CCDC theo trị giá vốn thực tế.

❖ **Xác định trị giá thực tế của NVL, CCDC nhập kho:** Được xác định theo từng nguồn nhập

- *Nhập kho do mua ngoài*

$$\begin{array}{rcccl} \text{Giá thực tế} & & \text{Giá mua} & & \text{Chi phí} & & \text{Thuế} & & \text{Các khoản} \\ \text{NVL, CCDC} & = & \text{trên hóa} & + & \text{mua} & + & \text{nhập khẩu} & - & \text{giảm trừ} \\ \text{nhập kho} & & \text{đơn} & & & & \text{(nếu có)} & & \text{(nếu có)} \end{array}$$

Trong đó:

+ Giá mua là giá không có thuế GTGT nếu NVL và CCDC mua về dùng để sản xuất các mặt hàng chịu thuế GTGT và DN nộp thuế theo phương pháp khấu trừ. Giá mua là giá có thuế GTGT nếu NVL và CCDC mua về sử dụng vào việc sản xuất các mặt hàng không chịu thuế GTGT hoặc với DN nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

+ Chi phí thu mua thực tế gồm: chi phí vận chuyển bốc dỡ, bảo quản, phân loại, bảo hiểm NVL từ nơi mua đến kho của DN, công tác phí của nhân viên thu mua, chi phí cho bộ phận thu mua độc lập hao hụt tự nhiên trong định mức.

- *Nhập kho do doanh nghiệp tự gia công, chế biến:*

$$\begin{array}{rcccl} \text{Giá thực tế NVL,} & & \text{Giá thực tế NVL, CCDC} & & \text{Chi phí gia} \\ \text{CCDC nhập kho} & = & \text{xuất gia công chế biến} & + & \text{công chế biến} \end{array}$$

Trong đó, tiền thuê gia công chế biến, tiền vận chuyển (nếu có) sẽ bao gồm cả thuế GTGT nếu NVL, CCDC được dùng để sản xuất mặt hàng không chịu thuế GTGT hoặc DN nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp, sẽ không bao gồm thuế GTGT nếu sản phẩm sản xuất ra là đối tượng không chịu thuế GTGT và DN nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

- *Nhập kho do đơn vị khác góp vốn liên doanh*

$$\begin{array}{rcccl} \text{Giá thực tế} & & \text{Trị giá vốn góp do} & & \text{Chi phí vận} \\ \text{NVL, CCDC} & = & \text{hội đồng liên doanh} & + & \text{chuyển bốc dỡ} \\ \text{nhập kho} & & \text{xác định} & & \text{(nếu có)} \end{array}$$

Giá thực tế NVL, CCDC nhập kho được tính theo giá thị trường hoặc theo giá ghi trên biên bản ghi nhận NVL, CCDC biểu tặng cộng các chi phí phát sinh.

- *Nhập kho đối với NVL, CCDC được nhà nước cấp*

Giá thực tế nhập kho là giá trị vốn NSNN được ghi nhận cộng các chi phí phát sinh khác.

- *Nhập kho đối với NVL, CCDC là phế liệu thu hồi*

Giá thực tế NVL, CCDC nhập kho là giá ước tính trên thị trường.

#### ❖ **Giá thực tế NVL, CCDC xuất kho**

NVL và CCDC được thu mua và nhập kho thường xuyên từ nhiều nguồn khác nhau, do đó giá thực tế của từng lần, đợt nhập không hoàn toàn giống nhau. Khi xuất kho, kế toán phải tính toán, xác định được giá thực tế xuất kho cho từng nhu cầu, đối tượng sử dụng khác nhau. Theo phương pháp tính giá thực tế xuất kho đã đăng ký áp dụng và phải đảm bảo tính nhất quán trong niên độ kế toán. Việc tính giá thực tế của vật liệu xuất kho có thể được thực hiện theo một trong các phương pháp sau:

- *Phương pháp tính theo giá thực tế đích danh*

Theo phương pháp này, giá thực tế của NVL, CCDC xuất kho được tính căn cứ vào số lượng xuất kho thuộc lô nào và đơn giá thực tế của lô đó để tính giá thực tế của NVL, CCDC xuất kho.

Phương pháp này được áp dụng cho những DN có chủng loại vật tư ít và nhận diện được từng lô hàng.

- *Phương pháp tính theo đơn giá bình quân gia quyền*

Trị giá thực tế của NVL, CCDC xuất kho được tính căn cứ vào số lượng NVL, CCDC xuất kho và đơn giá bình quân gia quyền theo công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực tế} \\ \text{NVL,CCDC} \\ \text{xuất kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số lượng thực} \\ \text{tế NVL,CCDC} \\ \text{xuất kho} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Đơn giá} \\ \text{bình quân} \\ \text{gia quyền} \end{array}$$

Trong đó, đơn giá bình quân gia quyền có thể tính theo một trong các cách sau:

+ Giá đơn vị bình quân cả kỳ dự trữ:

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá bình} \\ \text{quân cả kỳ} \\ \text{dự trữ} \end{array} = \frac{\text{Trị giá thực tế tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá thực tế nhập trong kỳ}}{\text{Lượng thực tế tồn đầu kỳ} + \text{Lượng thực tế nhập trong kỳ}}$$

+ Đơn giá bình quân tồn đầu kỳ:

$$\text{Đơn giá bình quân cuối kỳ trước} = \frac{\text{Trị giá thực tế tồn kho đầu kỳ ( hoặc cuối kỳ trước)}}{\text{Lượng thực tế tồn đầu kỳ ( hoặc cuối kỳ trước)}}$$

+ Đơn giá bình quân sau mỗi lần nhập (bình quân gia quyền liên hoàn):

$$\text{Đơn giá bình quân sau mỗi lần nhập} = \frac{\text{Giá thực tế từng loại tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Lượng thực tế từng loại tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$

- *Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO):*

Theo phương pháp này thì phải xác định được giá thực tế nhập kho của từng lần nhập, sau đó căn cứ vào số lượng xuất tính ra giá trị thực tế xuất kho nguyên tắc: tính theo nguyên giá thực tế nhập trước đối với lượng xuất kho thuộc lần nhập trước, số còn lại (tổng số xuất kho trừ đi số xuất thuộc lần nhập trước) được tính theo đơn giá thực tế các lần nhập sau. Như vậy, giá thực tế của vật liệu tồn cuối kỳ chính là giá thực tế của vật liệu nhập kho thuộc các kho sau cùng.

- *Phương pháp nhập sau, xuất trước (LIFO):*

Theo phương pháp này thì cũng phải xác định được đơn giá thực tế của từng lần nhập nhưng khi xuất sẽ căn cứ vào số lượng và đơn giá thực tế nhập kho lần cuối hiện có trong kho vào lúc xuất sau đó mới lần lượt đến các lần nhập trước để tính giá thực tế xuất kho.

### **1.2.3.2 Đánh giá NVL, CCDC theo giá hạch toán**

Các doanh nghiệp có quy mô lớn, khối lượng, chủng loại vật liệu, công cụ dụng cụ nhiều, tình hình nhập xuất diễn ra thường xuyên, việc xác định giá thực tế của vật tư hàng ngày rất khó khăn và mất thời gian, vậy nên có thể sử dụng giá hạch toán để hạch toán tình hình nhập, xuất hàng ngày. Giá hạch toán là giá ổn định do doanh nghiệp tự xây dựng, được sử dụng thống nhất trong doanh nghiệp, trong thời gian dài có thể là giá kế hoạch của vật tư. Như vậy, hàng ngày sử dụng giá hạch toán để ghi sổ chi tiết giá vật tư xuất. Cuối kỳ phải điều chỉnh giá hạch toán theo giá thực tế để có số liệu ghi vào sổ kế toán tổng hợp và báo cáo kế toán. Việc điều chỉnh giá hạch toán theo giá thực tế tiến hành như sau:

Trước hết phải tính được hệ số giữa giá thực tế và giá hạch toán của vật tư luân chuyển trong kỳ ( H) theo công thức sau:

$$H = \frac{\text{Trị giá thực tế vật tư tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá thực tế vật tư nhập trong kỳ}}{\text{Trị giá hạch toán vật tư tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá hạch toán vật tư nhập trong kỳ}}$$

Sau đó, tính giá trị của NVL, CCDC xuất trong kỳ theo công thức:

$$\text{Giá thực tế của NVL, CCDC xuất trong kỳ} = \frac{\text{Trị giá hạch toán của NVL, CCDC xuất trong kỳ}}{\text{Hệ số giá}} \quad (H)$$

Tùy thuộc vào đặc điểm, yêu cầu về trình độ quản lý của doanh nghiệp mà trong các phương pháp tính giá vật tư xuất kho theo đơn giá thực tế hoặc hệ số giá (trong trường hợp sử dụng giá hạch toán) có thể tính riêng cho từng thứ, nhóm hoặc cả loại vật liệu, công cụ dụng cụ.

#### **1.2.4 Hạch toán chi tiết NVL và CCDC**

Hạch toán chi tiết NVL và CCDC là việc hạch toán kết hợp giữa thủ kho và kế toán trên cùng cơ sở các chứng từ nhập, xuất kho; nhằm đảm bảo theo dõi chặt chẽ số hiện có và tình hình biến động của từng loại, từng nhóm nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ về số lượng và giá trị. Các doanh nghiệp phải tổ chức hệ thống chứng từ, mở các sổ kế toán chi tiết NVL và CCDC phù hợp góp phần tăng cường quản lý NVL.

##### **1.2.4.1 Chứng từ sử dụng**

Kế toán tình hình nhập xuất vật tư liên quan đến nhiều loại chứng từ kế toán khác nhau. Bao gồm những chứng từ có tính chất bắt buộc và những chứng từ có tính chất hướng dẫn hoặc tự lập. Tuy nhiên, dù loại chứng từ gì cũng phải đảm bảo có đầy đủ các yếu tố cơ bản, tuân thủ chặt chẽ trình tự lập, phê duyệt và luân chuyển chứng từ để phục vụ cho yêu cầu quản lý ở các bộ phận có liên quan và yêu cầu ghi sổ, kiểm tra của kế toán.

- Phiếu nhập kho (01 - VT)
- Phiếu xuất kho (02 - VT)
- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ (03 - VT)
- Biên bản kiểm kê vật tư, sản phẩm, hàng hoá (08 - VT)
- Hoá đơn kiêm phiếu xuất kho (02 - BH)
- Hóa đơn GTGT
- Hóa đơn bán hàng

##### **1.2.4.2 Phương pháp hạch toán chi tiết NVL và CCDC**

Để tiến hành hạch toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ; tùy theo điều kiện cụ thể của mỗi doanh nghiệp mà áp dụng một trong các phương pháp sau:

- Phương pháp thẻ song song
- Phương pháp sổ đối chiếu lưu chuyển
- Phương pháp sổ số dư

Mọi phương pháp đều có những ưu, nhược điểm riêng. Trong việc hạch toán chi tiết vật liệu giữa kho và phòng kế toán cần có sự nghiên cứu, lựa chọn phương pháp thích hợp với điều kiện cụ thể của doanh nghiệp. Và như vậy cần thiết phải nắm vững nội dung, ưu nhược điểm và điều kiện áp dụng của mỗi phương pháp đó.

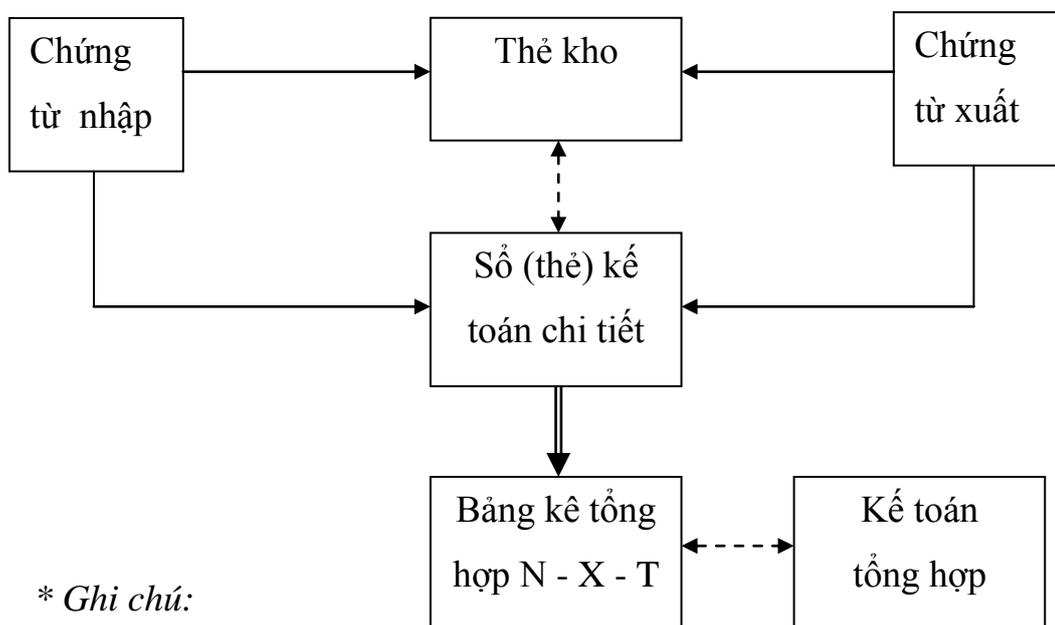
#### ❖ Phương pháp thẻ song song

**Ở kho:** Thủ kho dùng thẻ kho để phản ánh tình hình nhập, xuất tồn vật liệu, công cụ dụng cụ về mặt số lượng.

Khi nhận các chứng từ nhập, xuất vật liệu, công cụ dụng cụ, thủ kho phải kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của chứng từ rồi tiến hành ghi chép số thực nhập, thực xuất vào chứng từ thẻ kho. Cuối ngày tính ra số tồn kho ghi vào thẻ kho. Định kỳ thủ kho gửi (hoặc kế toán xuống kho nhận) các chứng từ xuất, nhập đã được phân loại theo từng thứ vật liệu, công cụ dụng cụ cho phòng kế toán.

**Ở phòng kế toán:** Kế toán sử dụng sổ (thẻ) kế toán chi tiết vật liệu, công cụ dụng cụ để ghi chép tình hình nhập, xuất, tồn kho theo chỉ tiêu hiện vật và giá trị. Về cơ bản, sổ (thẻ) kế toán chi tiết vật liệu, công cụ dụng cụ có kết cấu giống như thẻ kho nhưng có thêm các cột để ghi chép theo chỉ tiêu giá trị. Cuối tháng kế toán cộng sổ chi tiết vật liệu, công cụ dụng cụ và kiểm tra đối chiếu với thẻ kho. Ngoài ra để có số liệu đối chiếu, kiểm tra với kế toán tổng hợp cần phải tổng hợp số liệu trên sổ chi tiết vào Bảng tổng hợp nhập, xuất, tồn kho vật liệu, công cụ dụng cụ theo từng nhóm, loại vật liệu, công cụ dụng cụ.

**Sơ đồ 1.1: Trình tự ghi sổ kế toán chi tiết NVL và CCDC theo phương pháp thẻ song song**



\* Ghi chú:

- Ghi hàng ngày —————→
- Ghi cuối tháng ══════════→
- Kiểm tra, đối chiếu ←-----→

+ **Ưu điểm:** ghi chép đơn giản, dễ kiểm tra, dễ đối chiếu.

+ **Nhược điểm:** việc ghi chép giữa thủ kho và phòng kế toán còn trùng lặp các chỉ tiêu về số lượng. Ngoài ra, việc kiểm tra đối chiếu các yếu tố tiến hành vào cuối tháng, do vậy hạn chế chức năng kịp thời của kế toán.

+ **Phạm vi áp dụng:** thích hợp với các doanh nghiệp ít chủng loại NVL và CCDC; khối lượng các nghiệp vụ (chứng từ) nhập xuất ít, không thường xuyên và nghiệp vụ của kế toán chuyên môn còn hạn chế.

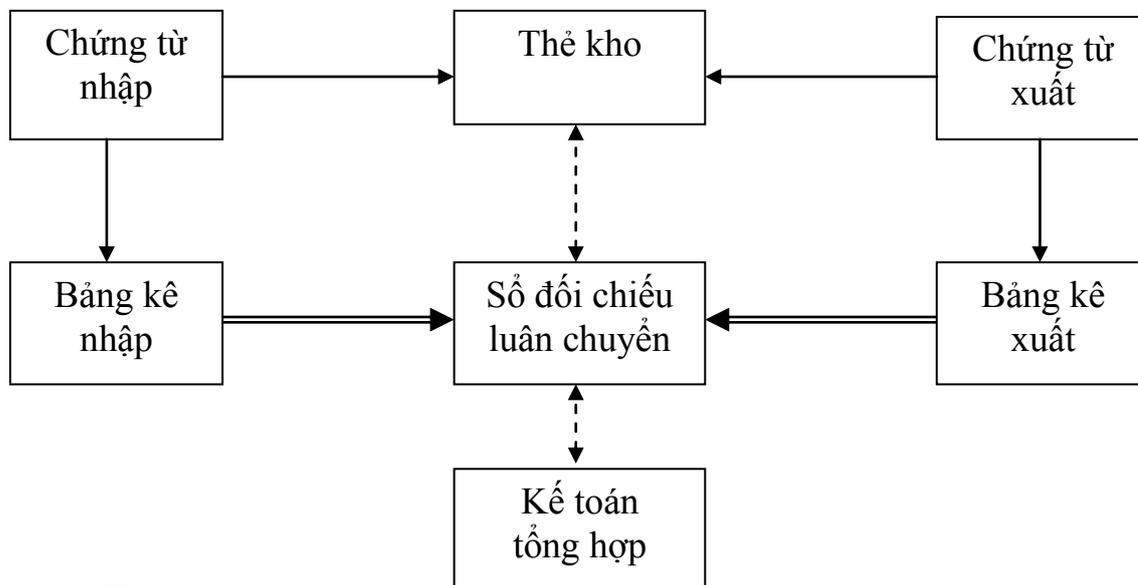
#### ❖ Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển

**Ở kho:** Việc ghi chép ở kho của thủ kho cũng được thực hiện trên thẻ kho giống như phương pháp thẻ song song.

**Ở phòng kế toán:** Kế toán mở sổ đối chiếu luân chuyển để ghi chép tình hình nhập, xuất, tồn kho của từng thứ vật liệu, công cụ dụng cụ ở từng kho dùng cả năm nhưng mỗi tháng chỉ ghi một lần vào cuối tháng. Để có số liệu ghi vào sổ đối chiếu luân chuyển, kế toán phải lập bảng kê nhập, bảng kê xuất trên cơ sở các chứng từ nhập, xuất định kỳ thủ kho gửi lên. Sổ đối chiếu luân chuyển cũng

được theo dõi, cuối kỳ tiến hành kiểm tra đối chiếu số liệu giữa sổ đối chiếu luân chuyển với thẻ kho và số liệu kế toán tổng hợp.

**Sơ đồ 1.2: Trình tự ghi sổ kế toán chi tiết NVL và CCDC theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển**



\* Ghi chú:

- Ghi hàng ngày  →
- Ghi cuối tháng  →
- Kiểm tra, đối chiếu  ← →

+ **Ưu điểm**: khối lượng ghi chép của kế toán được giảm bớt do chỉ ghi một lần vào cuối tháng.

+ **Nhược điểm**: việc ghi sổ kế toán trùng lặp giữa kho và phòng kế toán về chỉ tiêu hiện vật, việc kiểm tra đối chiếu giữa kho và phòng kế toán cũng chỉ tiến hành vào cuối tháng nên công tác kiểm tra bị hạn chế.

+ **Phạm vi áp dụng**: áp dụng cho các doanh nghiệp sản xuất không nhiều nghiệp vụ nhập – xuất, không bố trí riêng nhân viên kế toán vật tư, do vậy không có điều kiện ghi chép theo dõi tình hình nhập xuất hàng ngày.

❖ **Phương pháp sổ số dư.**

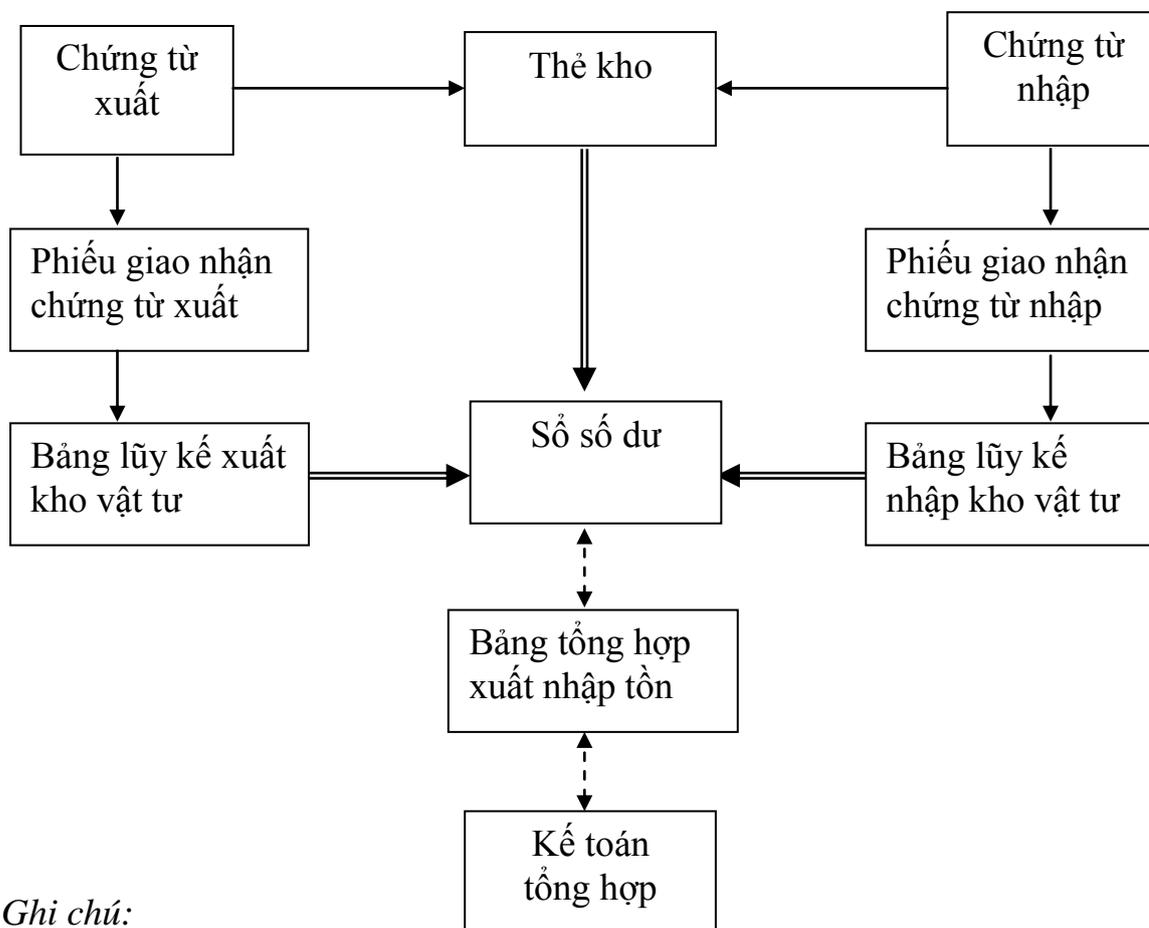
**Nguyên tắc hạch toán:** ở kho theo dõi từng thứ NVL và CCDC, phòng kế toán chỉ theo dõi từng nhóm NVL và CCDC

**Ở kho:** Thủ kho cũng là thẻ kho để ghi chép tình hình nhập, xuất, tồn kho, nhưng cuối tháng phải ghi sổ tồn kho đã tách trên thẻ kho sang sổ số dư vào cột số lượng. Sổ số dư do phòng kế toán mở mở dụng cho cả năm được chuyển xuống kho cho thủ kho. Thủ kho căn cứ vào sổ số dư cuối tháng của từng thứ vật tư trên thẻ kho để ghi vào cột số lượng trên sổ số dư sau đó chuyển sổ số dư cho phòng kế toán.

**Ở phòng kế toán:** Kế toán dựa vào số lượng xuất nhập của từng danh điểm NVL và CCDC được tổng hợp từ các chứng từ xuất nhập mà kế toán nhận được khi kiểm tra các kho theo định kỳ 3,5 hoặc 10 ngày một lần kèm theo phiếu giao nhận chứng từ và giá hạch toán để tính trị giá thành tiền NVL và CCDC xuất, nhập theo từng danh điểm, từ đó ghi vào bảng lũy kế nhập, xuất, tồn (bảng này được mở theo từng kho) cuối kỳ tiến hành tính tiền trên sổ số dư do thủ kho chuyển đến và đối chiếu tồn kho từng danh điểm vật tư trên sổ số dư với tồn kho trên bảng lũy kế nhập, xuất, tồn. Từ bảng lũy kế nhập, xuất, tồn kế toán lập bảng tổng hợp nhập, xuất, tồn vật tư để đối chiếu với số kế toán tổng hợp về vật tư. Nội dung, trình tự kế toán chi tiết vật liệu, công cụ dụng cụ theo phương pháp sổ số dư được khái quát theo sơ đồ sau:

**Sơ đồ 1.3: Trình tự ghi sổ kế toán chi tiết NVL và CCDC**

*theo phương pháp sổ số dư*



\* Ghi chú:

- Ghi hàng ngày —————→
- Ghi cuối tháng ═══════→
- Kiểm tra, đối chiếu ←-----→

+ **Ưu điểm:** giảm được khối lượng ghi chép do kế toán chỉ ghi theo chỉ tiêu số tiền và ghi theo nhóm vật tư, hàng hóa. Phương pháp này đã kết hợp chặt chẽ giữa hạch toán doanh nghiệp và hạch toán kế toán. Kế toán đã thực hiện kiểm tra được thường xuyên việc ghi chép và bảo quản trong kho của thủ kho. Công việc được dàn đều trong tháng.

+ **Nhược điểm:** kế toán chưa theo dõi chi tiết đến từng thứ vật tư, hàng hóa nên để có thông tin về tình hình nhập, xuất, tồn của thứ vật tư, hàng hóa nào thì căn cứ vào số liệu trên thẻ kho. Việc kiểm tra, phát hiện sai sót nhầm lẫn giữa kho và phòng kế toán rất phức tạp.

+ **Phạm vi áp dụng:** DN có nhiều chủng loại vật tư, hàng hóa; việc nhập – xuất diễn ra thường xuyên. DN đã xây dựng được hệ thống giá hạch toán và xây dựng được hệ thống danh điểm vật tư, hàng hóa hợp lý. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ kế toán vững vàng.

### **1.2.5 Kế toán tổng hợp NVL và CCDC**

Kế toán tổng hợp là việc sử dụng các tài khoản, các sổ kế toán tổng hợp để phản ánh, kiểm tra, giám sát các đối tượng kế toán ở dạng tổng quát.

Nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ cũng là đối tượng kế toán, nó là tài sản lưu động thuộc nhóm hàng tồn kho của doanh nghiệp, được nhập và xuất kho thường xuyên cho nên việc mở các tài khoản tổng hợp để ghi chép và xác định trị giá nguyên vật liệu tồn kho, xuất kho tùy thuộc vào doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp nào. Tuy nhiên theo quyết định số 1864/1998/QĐ/BTC ngày 16/12/1998 của bộ tài chính, trong doanh nghiệp xây lắp chỉ áp dụng kế toán tổng hợp NVL, CCDC theo phương pháp kê khai thường xuyên mà không áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ.

#### **1.2.5.1 Kế toán tổng hợp vật tư theo phương pháp kê khai thường xuyên.**

##### **❖ Tài khoản sử dụng**

\* TK 151 – “Hàng mua đang đi đường”: Tài khoản này phản ánh giá trị các loại vật tư hàng hóa mà doanh nghiệp đã mua, đã chấp nhận thanh toán với người bán nhưng chưa về nhập kho doanh nghiệp, còn đang đi trên đường và tình hình đang đi đường về nhập kho của doanh nghiệp.

\* TK 152 - “Nguyên vật liệu”: Tài khoản này phản ánh giá trị hiện có và tình hình tăng giảm nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất kinh doanh.

Kết cấu: TK 152 có số dư Nợ cuối kỳ

- Bên Nợ ghi:

+ Trị giá vốn thực tế nguyên vật liệu nhập trong kỳ (do mua ngoài tự chế, thuê ngoài gia công, nhận vốn góp liên doanh).

+ Số tiền điều chỉnh tăng giá NVL khi đánh giá lại.

+ Trị giá NVL thừa phát hiện khi kiểm kê.

- Bên có ghi:

+ Trị giá vốn thực tế NVL xuất trong kỳ.

+ Trị giá NVL trả lại người bán hoặc được giảm giá hàng mua.

+ Số tiền giảm giá, chiết khấu thương mại hàng mua.

+ Số tiền điều chỉnh giảm giá NVL khi đánh giá lại.

- + Trị giá NVL thiếu phát hiện khi kiểm kê.
  - Số dư Nợ:
    - + Tài khoản này phản ánh số hiện có và tình hình tăng giảm NVL theo giá thực tế.
    - \* TK 153 – “Công cụ dụng cụ”: Tài khoản này phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động của công cụ dụng cụ trong kỳ theo giá gốc.
    - Kết cấu: TK 153 có số dư Nợ cuối kỳ (tương tự 152).
  - Bên Nợ ghi:
    - + Trị giá thực tế của CCDC nhập kho do mua ngoài, tự chế...
    - + Trị giá CCDC cho thuê nhập lại kho.
    - + Trị giá NVL thiếu phát hiện khi kiểm kê.
  - Bên Có ghi:
    - + Trị giá thực tế CCDC xuất kho sử dụng cho sản xuất, cho thuê...
    - + Chiết khấu thương mại khi mua CCDC được hưởng
    - + Trị giá CCDC thiếu phát hiện khi kiểm kê.
    - + Trị giá CCDC trả lại cho người bán hoặc được người bán giảm giá.
  - Số dư Nợ:
    - + Tài khoản này phản ánh số hiện có và tình hình tăng giảm CCDC theo giá thực tế.
- Ngoài các tài khoản trên, kế toán tổng hợp vật tư còn sử dụng nhiều tài khoản liên quan khác như:
- TK 111(1), TK 112(1), TK 141, TK 128, TK 222, TK 331, TK 411, TK 642...

❖ **Phương pháp kế toán các nghiệp vụ chủ yếu**

*1. Khi mua vật tư về nhập kho, căn cứ hóa đơn, phiếu nhập kho và các chứng từ có liên quan phản ánh giá trị vật tư nhập kho:*

- Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, ghi:

Nợ TK 152 – Nguyên vật liệu (giá mua chưa có thuế GTGT)

Nợ TK 153 – Công cụ dụng cụ (giá mua chưa có thuế GTGT)

Nợ TK 133 – Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có các TK 111, 112, 141, 331,... (tổng giá thanh toán).

- Nếu thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ thì giá trị nguyên vật liệu bao gồm cả thuế GTGT, ghi:

Nợ TK 152 – Nguyên vật liệu (tổng giá thanh toán)

Nợ TK 153 – Công cụ dụng cụ (tổng giá thanh toán)

Có các TK 111, 112, 141, 331... (tổng giá thanh toán)

2. Trường hợp doanh nghiệp đã nhận được hóa đơn mua hàng nhưng vật tư chưa về nhập kho doanh nghiệp thì kế toán lưu hóa đơn vào một tập hồ sơ riêng “Hàng mua đang đi đường”.

- Nếu trong tháng hàng về thì căn cứ vào hóa đơn, phiếu nhập kho để ghi vào tài khoản 152 “Nguyên liệu, vật liệu” và 153 “Công cụ dụng cụ”

- Nếu đến cuối tháng vật tư vẫn chưa về thì căn cứ vào hóa đơn, kế toán ghi nhận theo giá tạm tính:

Nợ TK 151 - Hàng mua đang đi đường

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có TK 331 - Phải trả cho người bán; hoặc

Có các TK 111, 112, 141,...

- Sang tháng sau, khi vật tư về nhập kho, căn cứ vào hóa đơn và phiếu nhập kho, ghi:

Nợ TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu

Nợ TK 153 – Công cụ dụng cụ

Có TK 151 - Hàng mua đang đi đường.

3. Kế toán vật tư trả lại cho người bán, khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá hàng bán nhận được khi mua:

- Trường hợp trả lại vật tư cho người bán, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

Có TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu

Có TK 153 – Công cụ dụng cụ

Có TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ.

- Trường hợp khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá hàng bán nhận được sau khi mua vật tư (kể cả các khoản tiền phạt vi phạm hợp đồng kinh tế về bản chất làm giảm giá trị bên mua phải thanh toán) thì kế toán phải căn cứ vào tình hình biến động của vật tư để phân bổ số chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán được hưởng dựa trên số vật tư còn tồn kho, số đã xuất dùng cho sản xuất sản phẩm hoặc cho hoạt động đầu tư xây dựng hoặc đã xác định là tiêu thụ trong kỳ:

Nợ các TK 111, 112, 331,.....

Có TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu (nếu NVL còn tồn kho)

Có TK 153 Công cụ dụng cụ (nếu CCDC còn tồn kho)

Có TK 241 - Xây dựng cơ bản dở dang (nếu NVL đã xuất dùng cho hoạt động đầu tư xây dựng)

Có TK 632 - Giá vốn hàng bán (nếu sản phẩm do NVL đó cấu thành đã được xác định là tiêu thụ trong kỳ)

Có các TK 641, 642 (NVL dùng cho hoạt động bán hàng, quản lý)

Có TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331) (nếu có).

*4. Khi trả tiền cho người bán, nếu được hưởng chiết khấu thanh toán, thì khoản chiết khấu thanh toán thực tế được hưởng được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính, ghi:*

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính (chiết khấu thanh toán).

*5. Đối với vật tư nhập khẩu:*

- Khi nhập khẩu vật tư ghi:

Nợ TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu

Nợ TK 153 – Công cụ dụng cụ

Có TK 331 - Phải trả cho người bán

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33312) (nếu thuế GTGT đầu vào của hàng nhập khẩu không được khấu trừ)

Có TK 3332- Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có).

Có TK 3333 - Thuế xuất, nhập khẩu (chi tiết thuế nhập khẩu).

Có TK 33381 - Thuế bảo vệ môi trường.

- Nếu thuế GTGT đầu vào của hàng nhập khẩu được khấu trừ, ghi:

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33312).

- Trường hợp mua vật tư có trả trước cho người bán một phần bằng ngoại tệ thì phần giá trị vật tư tương ứng với số tiền trả trước được ghi nhận theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm ứng trước. Phần giá trị vật tư bằng ngoại tệ chưa trả được ghi nhận theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm mua vật tư

*6. Các chi phí về thu mua, bốc xếp, vận chuyển vật tư từ nơi mua về kho doanh nghiệp, ghi:*

Nợ TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu

Nợ TK 153 Công cụ dụng cụ

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có các TK 111, 112, 141, 331,...

*7. Đối với nguyên liệu, vật liệu nhập kho do thuê ngoài gia công, chế biến:*

- Khi xuất nguyên liệu, vật liệu đưa đi gia công, chế biến, ghi:

Nợ TK 154 - Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang

Có TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu

- Khi phát sinh chi phí thuê ngoài gia công, chế biến, ghi:

Nợ TK 154 - Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331) (nếu có)

Có các TK 111, 112, 131, 141,...

- Khi nhập lại kho số nguyên liệu, vật liệu thuê ngoài gia công, chế biến xong, ghi:

Nợ TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu

Có TK 154 - Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang.

*8. Đối với nguyên liệu, vật liệu nhập kho do tự chế:*

- Khi xuất kho nguyên liệu, vật liệu để tự chế biến, ghi:

Nợ TK 154 - Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang

Có TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu.

- Khi nhập kho nguyên liệu, vật liệu đã tự chế, ghi:

Nợ TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu

Có TK 154 - Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang.

*9. Khi xuất kho vật tư sử dụng vào sản xuất, kinh doanh, ghi:*

Nợ các TK 621, 623, 627, 641, 642,...

Có TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu.

Có TK 153 – Công cụ dụng cụ

Trường hợp vật tư xuất ra sử dụng cho SXKD nhưng không sử dụng hết nhập kho, kế toán ghi ngược lại.

*10. Xuất vật tư sử dụng cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sửa chữa lớn TSCĐ, ghi:*

Nợ TK 241 - Xây dựng cơ bản dở dang

Có TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu.

Có TK 153 – Công cụ dụng cụ

*11. Đối với vật tư đưa đi góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết:*

*Khi xuất vật tư ghi:*

Nợ các TK 221, 222 (theo giá đánh giá lại)

Nợ TK 811 - Chi phí khác (giá đánh giá lại nhỏ hơn giá trị ghi sổ)

Có TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu (theo giá trị ghi sổ)

Có TK 153 – Công cụ dụng cụ (theo giá trị ghi sổ)

Có TK 711 - Thu nhập khác (giá đánh giá lại lớn hơn giá trị ghi sổ).

12. Khi xuất vật tư dùng để mua lại phần vốn góp tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết, ghi:

- Ghi nhận doanh thu bán nguyên vật liệu và khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, ghi:

Nợ các TK 221, 222 (theo giá trị hợp lý)

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 3331 - Thuế GTGT đầu ra phải nộp.

- Ghi nhận giá vốn nguyên vật liệu dùng để mua lại phần vốn góp tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết, ghi

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán

Có TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu.

13. Đối với vật tư thừa phát hiện khi kiểm kê đã xác định được nguyên nhân thì căn cứ nguyên nhân thừa để ghi sổ, nếu chưa xác định được nguyên nhân thì căn cứ vào giá trị vật tư thừa, ghi:

Nợ TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu

Nợ TK 153 – Công cụ dụng cụ

Có TK 338 - Phải trả, phải nộp khác (3381).

- Khi có quyết định xử lý vật tư thừa phát hiện trong kiểm kê, căn cứ vào quyết định xử lý, ghi:

Nợ TK 338 - Phải trả, phải nộp khác (3381)

Có các tài khoản có liên quan.

- Nếu xác định ngay khi kiểm kê số vật tư thừa là của các doanh nghiệp khác khi nhập kho chưa ghi tăng TK 152, 153 thì không ghi vào bên Có tài khoản 338 (3381) mà doanh nghiệp chủ động ghi chép và theo dõi trong hệ thống quản trị và trình bày trong phần thuyết minh Báo cáo tài chính.

14. Đối với vật tư thiếu hụt phát hiện khi kiểm kê:

Mọi trường hợp thiếu hụt vật tư trong kho hoặc tại nơi quản lý, bảo quản phát hiện khi kiểm kê phải lập biên bản và truy tìm nguyên nhân, xác định người phạm lỗi. Căn cứ vào biên bản kiểm kê và quyết định xử lý của cấp có thẩm quyền để ghi sổ kế toán:

- Nếu do nhầm lẫn hoặc chưa ghi sổ phải tiến hành ghi bổ sung hoặc điều chỉnh lại số liệu trên sổ kế toán;

- Nếu giá trị vật tư hao hụt nằm trong phạm vi hao hụt cho phép (hao hụt vật liệu trong định mức), ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán

Có TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu.

Có TK 153 – Công cụ dụng cụ

- Nếu số hao hụt, mất mát chưa xác định rõ nguyên nhân phải chờ xử lý, căn cứ vào giá trị hao hụt, ghi:

Nợ TK 138 - Phải thu khác (1381 - Tài sản thiếu chờ xử lý)

Có TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu.

Có TK 153 – Công cụ dụng cụ

- Khi có quyết định xử lý, căn cứ vào quyết định, ghi:

Nợ TK 111 - Tiền mặt (người phạm lỗi nộp tiền bồi thường)

Nợ TK 138 - Phải thu khác (1388) (tiền bồi thường của người phạm lỗi)

Nợ TK 334 - Phải trả người lao động (trừ tiền lương của người phạm lỗi)

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán (phần giá trị hao hụt, mất mát nguyên liệu, vật liệu còn lại phải tính vào giá vốn hàng bán)

Có TK 138 - Phải thu khác (1381 - Tài sản thiếu chờ xử lý).

*15. Đối với nguyên vật liệu, phế liệu ứ đọng, không cần dùng:*

- Khi thanh lý, nhượng bán nguyên vật liệu, phế liệu, kế toán phản ánh giá vốn ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán

Có TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu.

- Kế toán phản ánh doanh thu bán nguyên vật liệu, phế liệu, ghi:

Nợ các TK 111, 112, 131

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (5118)

Có TK 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước.

➤ **Cách tính phân bổ CCDC và hạch toán khi xuất kho phục vụ cho hoạt động SXKD:**

- Nếu giá trị công cụ dụng cụ nhỏ, tính vào chi phí SXKD một lần:

Nợ các TK 623, 627, 641...

Có TK 153: Công cụ, dụng cụ

- Nếu giá trị CCDC lớn phải phân bổ dần vào chi phí SXKD, ghi:

*1, Khi xuất kho công cụ, dụng cụ ghi:*

Nợ TK 142: ( CCDC có giá trị lớn và có thời gian sử dụng dưới 1 năm)

Nợ TK 242: ( CCDC có giá trị lớn và có thời gian sử dụng trên 1 năm)

Có TK 153: Công cụ, dụng cụ

2, Khi phân bổ giá trị CCDC xuất dùng cho từng kỳ kế toán ghi:

Nợ TK 623, 627, 641, 642,...

Có TK 142: Chi phí trả trước ngắn hạn

Có TK 242: Chi phí trả trước dài hạn

**Cách tính giá trị từng lần phân bổ vào chi phí khi xuất dùng:**

+ Nếu mua và sử dụng CCDC là ngày 01 của tháng thì tính phân bổ CCDC cho cả tháng phát sinh:

$$\text{Phân bổ CCDC Ở tháng đầu sử dụng} = \frac{\text{Tổng giá trị của CCDC}}{\text{Tổng số tháng phân bổ CCDC}}$$

+ Nếu mua và sử dụng CCDC từ ngày 02 trở đi thì cần phải tính:

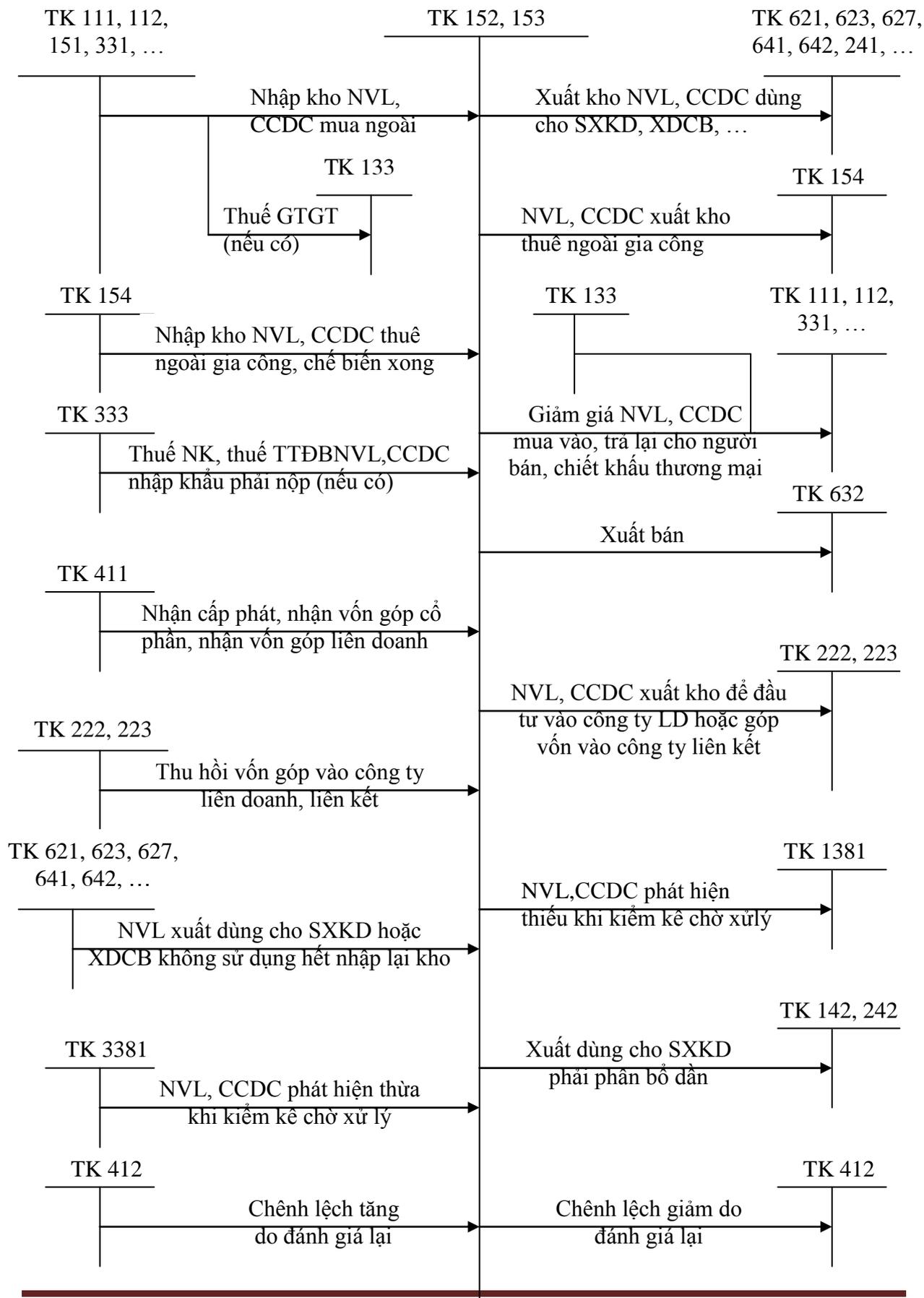
- Tính số ngày sử dụng CCDC trong tháng phát sinh:

$$\text{Số ngày sử dụng ở tháng đầu} = \frac{\text{Tổng số ngày trong tháng}}{\text{Ngày bắt đầu sử dụng}} + 1$$

- Tính chi phí phân bổ CCDC trong tháng phát sinh:

$$\text{Phân bổ ở tháng đầu sử dụng} = \frac{\text{Mức Phân bổ CCDC theo tháng}}{\text{Tổng số ngày trong Tháng bắt đầu Phân bổ}} \times \text{Số ngày sử dụng ở tháng đầu}$$

**SƠ ĐỒ KẾ TOÁN TỔNG HỢP NVL, CCDC THEO PHƯƠNG PHÁP  
KÊ KHAI THƯỜNG XUYÊN**



## CHƯƠNG 2

### THỰC TRẠNG KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU, CÔNG CỤ DỤNG CỤ TẠI CÔNG TY TNHH XÂY LẮP TRÀNG KÊNH

#### 2.1 Đặc điểm tình hình chung về Công ty TNHH xây lắp Tràng Kênh.

##### 2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của công ty

###### 2.1.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty

Tên đăng ký: Công ty trách nhiệm hữu hạn xây lắp Tràng Kênh.

Trụ sở: Thôn Đường Phố, thị trấn Minh Đức, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Số điện thoại: 0313875875

Số tài khoản: 1912858395011

Mã số thuế: 0201573579

Công ty TNHH xây lắp Tràng Kênh được thành lập vào ngày 23/12/2007 theo giấy phép đầu tư số 0203005017 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hải Phòng phê chuẩn với số vốn điều lệ 3.000.000.000 ( ba tỷ đồng chẵn)

Lĩnh vực kinh doanh: thi công xây lắp các công trình công nghiệp, dân dụng và kinh doanh các loại vật liệu xây dựng, san lấp mặt bằng.

Công ty xây lắp Tràng Kênh là một đơn vị hạch toán độc lập với quy mô vừa và nhỏ, tự chủ trong kinh doanh có tư cách pháp nhân. Ngày đầu thành lập, công ty gặp khó khăn về tài chính, thiếu vốn, thiếu cán bộ quản lý. Trước tình hình đó, Ban lãnh đạo công ty đã từng bước tháo gỡ khó khăn, luôn hoàn thành trách nhiệm đối với khách hàng và tạo được niềm tin về chất lượng sản phẩm cũng như tiến độ thi công. Đặc biệt trong những năm gần đây, công ty đã có nhiều thành tích trong việc thi công những công trình lớn, nhỏ như xây dựng đường xá, nhà văn hóa, bệnh viện, trường học... trong thành phố Hải Phòng. Với những thành tích đạt được, công ty đã được Bộ xây dựng, UBND thị trấn Minh Đức... tặng nhiều bằng khen.

Đó là kết quả của sự phấn đấu và tự khẳng định mình của Ban lãnh đạo cũng như sự nỗ lực của từng thành viên trong công ty. Hiện nay công ty đang từng bước cố gắng phấn đấu để đạt được những thành tựu đáng nói hơn trong việc tìm kiếm hợp đồng, mở rộng sản xuất và đặc biệt là uy tín của công ty ngày càng được nâng cao.

### 2.1.1.2. Chức năng, nhiệm vụ của công ty

#### \* Chức năng của công ty

+ Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp thoát nước và các công trình khác như: bệnh viện, trường học...

+ San lấp mặt bằng, thi công nền móng công trình.

+ Cung cấp một số sản phẩm phục vụ cho xây dựng.

#### \* Nhiệm vụ của công ty

Sử dụng và quản lý tốt, đúng mục đích nguồn vốn tự có. Bên cạnh đó, sử dụng theo đúng chế độ hiện hành, đảm bảo giữ vững hoạt động kinh doanh ngày càng phát triển.

Không ngừng cải tiến các trang thiết bị, đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật vào các hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm mang lại hiệu quả cho các công trình xây dựng.

Thi công công trình xây dựng theo đúng tiến độ, tạo niềm tin vững chắc đối với khách hàng và giữ được vị trí của công ty trong lĩnh vực Xây dựng.

Công bố BCTC hàng năm, thông báo các thông tin về hoạt động của DN theo quy định của Chính phủ. Chịu trách nhiệm nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của nhà nước.

Công ty TNHH Tràng Kênh đã trải qua 8 năm hoạt động với biết bao nhiêu thử thách trên con đường phát triển của mình. Mặc dù vậy, công ty luôn cố gắng phấn đấu để khẳng định vị trí của mình trên đấu trường xây dựng. Trong những năm qua, công ty đã không ngừng lớn mạnh, hoàn thiện để phù hợp hơn với nền kinh tế thị trường. Cùng với sự phát triển của công ty, đã có không ít thuận lợi và khó khăn, trong đó:

#### **Thuận lợi:**

+ Có đội ngũ quản lý cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu về cơ chế mới, giúp DN quen dần với biến động của thị trường XD.

+ Khi nước ta gia nhập WTO, thị trường phát triển mở rộng là điều kiện thuận lợi dài hạn cho công ty phát triển.

+ Công ty có đội ngũ LĐ lành nghề, có trình độ chuyên môn trong công việc, trình độ nhận thức tương đối tốt.

#### **Khó khăn:**

+ Xuất phát từ một công trường còn yếu kém về kinh tế, thiếu thôn tài chính, cơ sở vật chất và kiến trúc hạ tầng còn lạc hậu.

+ Sản xuất sản phẩm là những công trình, hạng mục công trình mang những nét đặc trưng riêng nên đòi hỏi một nguồn LĐ lớn, chi phí cao, thời gian dài nên đã làm cho nguồn vốn của công ty có thể bị ứ đọng.

+ Công ty chưa sản xuất được vật tư, các vật tư phục vụ SXSP đều phải nhập từ bên ngoài vào nên giá cả biến động, cũng như thiếu linh hoạt trong việc đáp ứng nhu cầu một cách kịp thời.

+ Số lượng cán bộ phòng kinh doanh còn ít, điều này cũng gây khó khăn trong hoạt động kiếm tìm thị trường XD cho công ty.

### ***2.1.2. Đặc điểm tổ chức quản lý kinh doanh của Công ty***

#### ***2.1.2.1 Đặc điểm tổ chức sản xuất của Công ty***

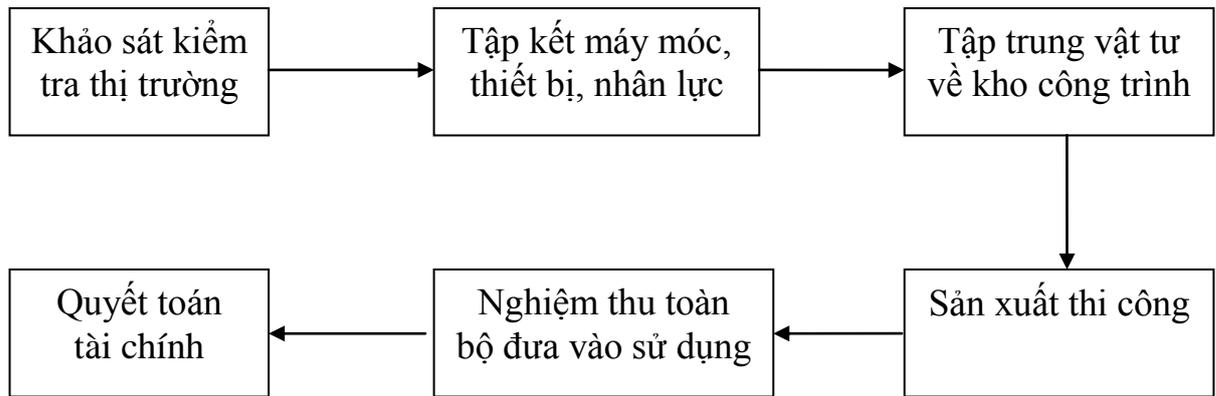
Là một DN xây dựng tư nhân, các công trình của DN được thực hiện trên cơ sở các hợp đồng đã ký kết với đơn vị chủ đầu tư sau khi trúng thầu hoặc được chỉ định thầu. Trong hợp đồng hai bên đã thống nhất với nhau về giá trị thanh toán của công trình cùng với các điều kiện khác. Tiêu chuẩn chất lượng của sản phẩm đã được xác định cụ thể trong hồ sơ thiết kế kỹ thuật được duyệt. Do vậy, DN phải chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư về kỹ thuật, chất lượng công trình. Để hoàn thành tốt nhất nhiệm vụ này DN cần lập kế hoạch cụ thể, đảm bảo được việc cung cấp NVL-CCDC, máy móc thiết bị, tổ chức thi công hợp lý, đảm bảo tiến độ và chất lượng của các HĐKT.

Việc quản lý vật tư và máy móc thiết bị được giao cho phòng vật tư theo dõi trong suốt thời gian xây dựng các công trình. Lao động được sử dụng chủ yếu là công nhân của công ty, chỉ thuê lao động phổ thông trong trường hợp công việc gấp rút để đảm bảo tiến độ thi công.

Tùy theo công trình có quy mô lớn, vừa hay nhỏ mà DN có các hình thức áp dụng, biện pháp xử lý theo các mô hình quản lý khác nhau cho từng dự án nhằm hướng tới mục tiêu: “Tiến độ - chất lượng - an toàn - hiệu quả”.

Trong điều kiện kinh tế thị trường hiện nay, bằng sự nỗ lực của bản thân, DN đã không ngừng phát triển, mở rộng phạm vi hoạt động, tạo được uy tín với khách hàng và có thị trường ổn định.

**Sơ đồ 2.1: Quy trình sản xuất mà công ty áp dụng được thể hiện như sau:**



Sau khi ký hợp đồng tiến hành nhận thầu thi công xây dựng công trình. Điều đầu tiên đó là phải kiểm tra, khảo sát nơi công trình như thế nào để đưa ra một phương án phù hợp với công trình.

Tiếp theo là tập kết máy móc, thiết bị, nguồn nhân lực về nơi công trình để chuẩn bị tiến hành thi công.

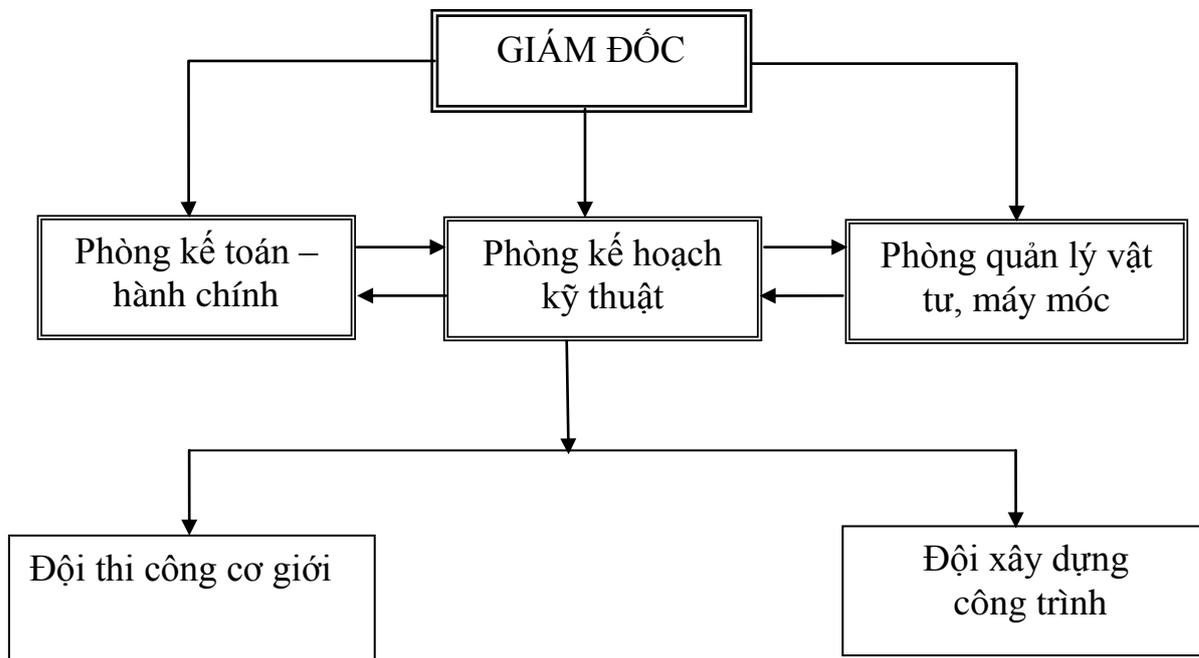
Những vật tư nào liên quan hoặc cần dùng cho quá trình thi công thì phải tập trung về kho công trình và tiến hành sản xuất thi công, trong một thời gian nào đó mà kế hoạch đã đưa ra để hoàn thành công trình.

Sau đó người chủ thầu sẽ nghiệm thu toàn bộ và giao cho bên giao thầu đưa vào sử dụng.

Cuối cùng là khâu quyết toán tài chính. Là bên giao thầu tiến hành thanh toán toàn bộ chi phí cho bên nhận thầu.

2.1.3 Đặc điểm cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty

Sơ đồ 2.2: Bộ máy tổ chức quản lý tại công ty TNHH xây lắp Trùng Kênh



Chức năng nhiệm vụ phân cấp nội bộ công ty:

❖ **Giám đốc**

Là người điều hành, quản lý mọi hoạt động của công ty, chịu trách nhiệm về toàn bộ kết quả kinh doanh, có trách nhiệm phân công công việc cho các bộ phận; đồng thời giám đốc là người trực tiếp phụ trách công tác Tài chính, kế toán và công tác nhân sự. Giám đốc cũng là người đại diện và chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động kinh doanh của công ty mình.

❖ **Phòng tổ chức hành chính**

Có trách nhiệm theo dõi tình hình hoạt động kinh doanh của công ty, phân tích đánh giá qua việc ghi chép nhằm đưa ra các thông tin hữu ích cho giám đốc trong việc đưa ra các quyết định về tài chính, kinh tế; có trách nhiệm về công tác tổ chức của đơn vị mình; xác định kết quả kinh doanh và theo dõi việc thực hiện nghĩa vụ đối với nhà nước. Trên cơ sở tổng hợp các số liệu, phòng kế toán xem xét số liệu các mặt hàng về số lượng và giá cả. Phòng kế toán cung cấp số lượng của các loại hàng hóa để có kế hoạch đặt hàng. Ngoài ra, phòng còn có trách nhiệm kiểm tra các lượng tài chính của công ty, kiểm tra việc sử dụng và bảo vệ tài sản, vật tư, tiền vốn nhằm đảm bảo tính chủ động trong sản xuất kinh doanh và chủ động tài chính của công ty.

❖ **Phòng quản lý vật tư, xe máy**

Chịu trách nhiệm phân công xe, máy cho các công trình cho hợp lý, đồng thời cũng chịu trách nhiệm gọi thợ sửa chữa máy móc. Cung ứng vật tư thiết bị, cùng với các phòng ban liên quan kiểm tra chất lượng, số lượng hàng hóa nhập kho thanh quyết toán vật tư.

❖ **Phòng kế hoạch kỹ thuật**

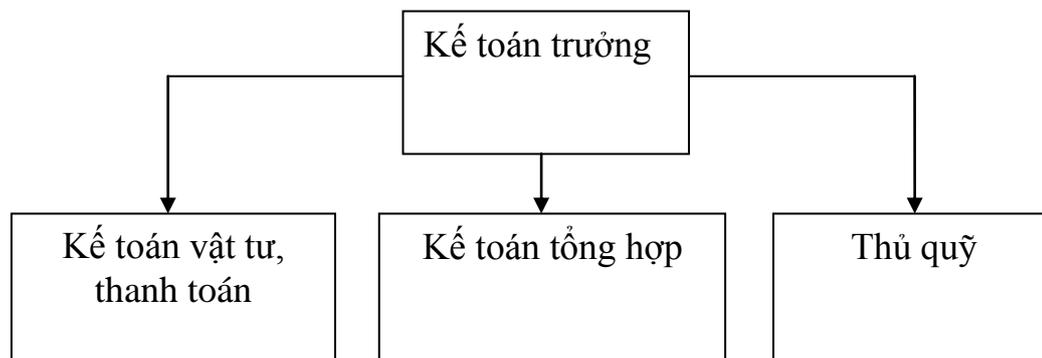
Nghiên cứu, cập nhập các vấn đề có liên quan đến kỹ thuật, áp dụng các kỹ thuật sản xuất mới vào công ty. Chỉ đạo giám sát công việc theo đúng công nghệ - kỹ thuật, kiểm tra phát hiện các sai sót. Hạn chế của quá trình sản xuất, hướng dẫn điều chỉnh, cải tiến kịp thời máy móc, thiết bị trong quá trình thi công, tổ chức bảo dưỡng máy móc. Tổng hợp và báo cáo về hệ thống trang thiết bị, máy móc thiết bị của công ty và đề xuất mua sắm, sửa chữa.

❖ **Các đội thi công và đội xây dựng công trình**

Chịu trách nhiệm thi công các công trình theo đơn đặt hàng hoặc các hợp đồng đã ký đảm bảo đúng tiến độ cũng như các yêu cầu kỹ thuật, các công trình đường bộ Hải Phòng.

**2.1.4 Đặc điểm công tác kế toán tại công ty TNHH xây lắp Tràng Kênh**

**Sơ đồ 2.3: Bộ máy kế toán tại Công ty TNHH xây lắp Tràng Kênh**



❖ **Kế toán trưởng:** Chỉ đạo trực tiếp từng nhân viên trong công ty, làm tham mưu cho tổng giám đốc về hoạt động kinh doanh, tổ chức kế toán nội bộ trong toàn bộ công ty. Khi quyết toán được lập xong, kế toán trưởng có nhiệm vụ thuyết minh và phân tích, giải thích kết quả sản xuất kinh doanh, chịu trách nhiệm về mọi số liệu trong bảng quyết toán, nộp đầy đủ, đúng hạn và báo cáo tài chính theo quy định.

❖ **Kế toán vật tư, thanh toán:** Theo dõi toàn bộ công tác thanh toán bằng tiền, chuyển khoản, lập trình với các ngân hàng, thường xuyên cập nhập tiền gửi

và tiền vay, hạn mức vay, hàng tháng tập hợp các chứng từ tiền gửi ngân hàng, tính lãi vay. Đồng thời hàng tháng tiếp nhận các chứng từ thanh toán thu chi bằng tiền mặt, kiểm tra tính hợp lệ hợp pháp của các chứng từ, lập phiếu chi sau khi có phiếu duyệt chi của phụ trách kế toán phòng kế toán và giám đốc. Ngoài ra còn đảm nhận việc theo dõi hàng hóa của toàn doanh nghiệp.

❖ **Thủ quỹ:** là người quản lý quỹ tiền mặt của toàn công ty, và rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt.

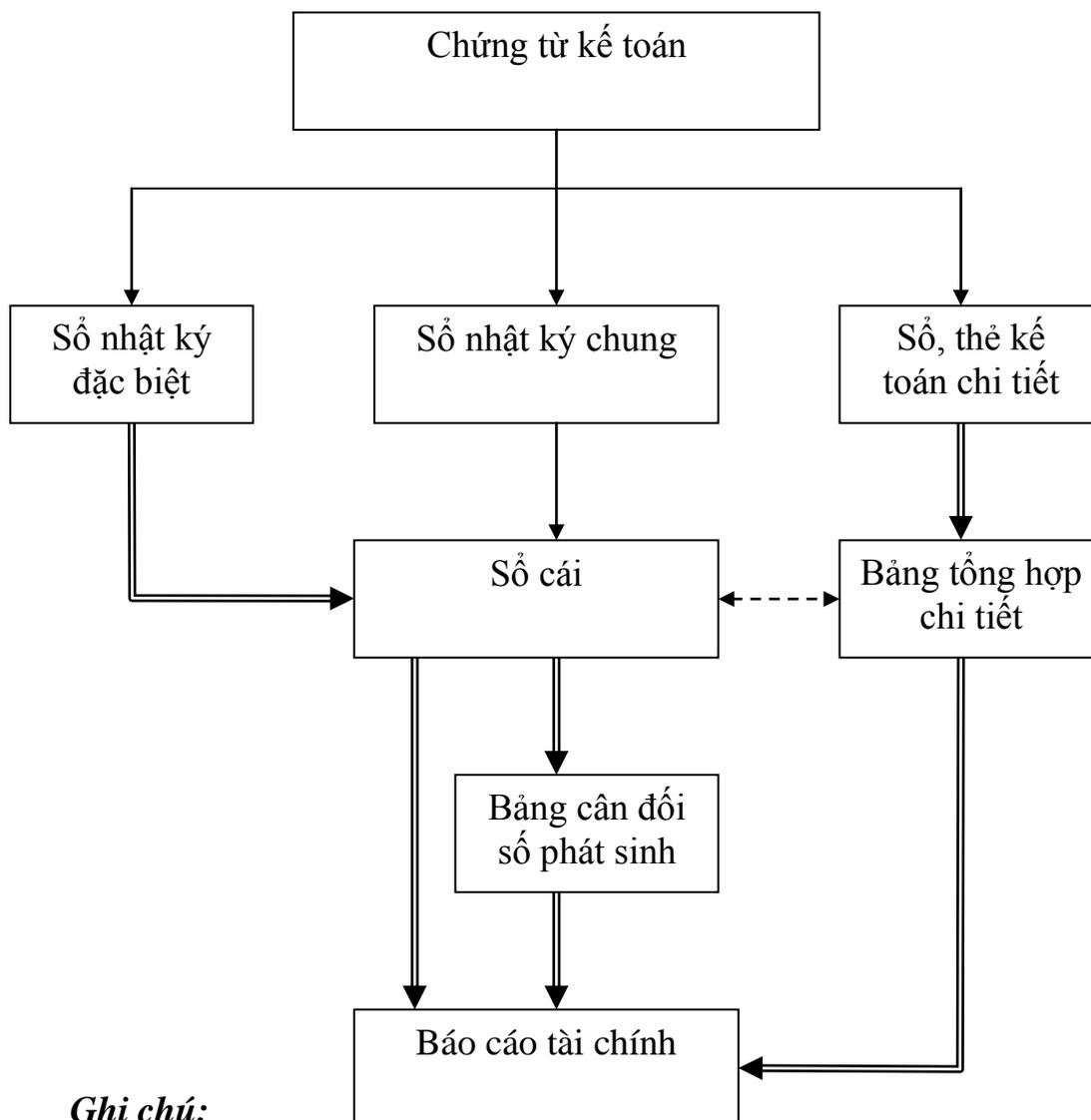
\* *Chính sách và phương pháp kế toán:*

Công ty TNHH xây lắp Trảng Kênh đang áp dụng chế độ kế toán theo QĐ 48/2006QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành. Các chứng từ, sổ sách kế toán đều tuân thủ theo đúng quy trình của nhà nước, lập theo mẫu sẵn của Bộ Tài chính ban hành.

- Hình thức kế toán: Nhật ký chung
- Nộp thuế GTGT: Theo phương pháp khấu trừ.
- Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong hạch toán: Việt Nam đồng (VND)
- Phương pháp khấu hao: áp dụng phương pháp khấu hao đều
- Phương pháp tính giá xuất kho hàng hóa: phương pháp nhập sau – xuất trước

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung: Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ. Trước hết, ghi nghiệp vụ vào sổ nhật ký chung. Sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ nhật ký chung để ghi vào sổ cái, theo các tài khoản kế toán phù hợp. Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp, đúng số liệu ghi trên sổ Cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

Sơ đồ 2.4: *Hạch toán kế toán theo hình thức Nhật ký chung*



**Ghi chú:**

Ghi hàng ngày →

Ghi định kỳ ==>

Kiểm tra, đối chiếu <-.->

**Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán :**

Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ kế toán gốc”. Việc ghi sổ kế toán bao gồm:

- Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Nhật ký chung
- Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ cái

**Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm có các loại sổ kế toán sau:**

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

### ***Nguyên tắc, đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung***

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán nhật ký chung: tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều được ghi vào sổ nhật ký, mà trọng tâm là sổ nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi vào sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Về nguyên tắc, tổng số phát sinh Nợ và Có trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung.

## **2.2. Thực trạng kế toán NVL – CCDC tại Công ty TNHH xây lắp Tràng Kênh**

### ***2.2.1 Đặc điểm công tác quản lý và phân loại nguyên vật liệu, CCDC tại công ty TNHH xây lắp Tràng Kênh***

#### ***❖ Đặc điểm nguyên vật liệu tại công ty***

Nguyên vật liệu là đối tượng lao động được thể hiện dưới dạng vật hóa, chỉ tham gia vào một chu kỳ sản xuất kinh doanh nhất định và toàn bộ giá trị vật liệu được chuyển hết một lần vào chi phí kinh doanh trong kỳ. Trong quá trình tham gia vào hoạt động sản xuất, dưới tác động của lao động, vật liệu bị tiêu hao toàn bộ hoặc bị thay đổi hình thái vật chất ban đầu, để cấu thành thực thể của sản phẩm. Nó là cơ sở để hình thành nên sản phẩm mới.

Nguyên vật liệu là một yếu tố đầu vào quan trọng nhất của quá trình sản xuất kinh doanh, nó chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm về mặt giá trị nguyên vật liệu chuyển dịch một lần hoàn toàn vào giá trị sản phẩm mới tạo ra.

#### ***❖ Đặc điểm CCDC tại công ty***

Công cụ dụng cụ (CCDC) là những tư liệu lao động không đủ tiêu chuẩn về giá trị và thời gian sử dụng để xếp vào tài sản cố định (theo chế độ hiện hành, những tư liệu lao động có giá trị nhỏ hơn 30.000.000 đồng, thời gian sử dụng  $\leq$  2 năm) thì xếp vào công cụ dụng cụ.

Bởi vậy, CCDC mang đầy đủ các đặc điểm như tài sản cố định: tham gia vào nhiều chu kỳ sản xuất kinh doanh, giá trị bị hao mòn dần trong quá trình sử dụng, giữ nguyên hình thái vật chất ban đầu cho đến lúc hư hỏng. CCDC trong các doanh nghiệp được sử dụng để phục vụ sản xuất hay hoạt động bán hàng, hoạt động quản lý doanh nghiệp.

#### ***❖ Phân loại nguyên vật liệu, CCDC***

Do đặc thù của công việc xây dựng đã đòi hỏi DN phải sử dụng một khối lượng NVL là rất lớn. NVL bao gồm nhiều loại khác nhau, mỗi loại có một vai

trò tính năng lý hóa riêng. Để quản lý tốt thì DN cần phải phân loại NVL và theo dõi từng kho. Nhưng công tác hạch toán kế toán do sử dụng mã vật tư nên DN không sử dụng TK cấp 2. DN tiến hành XD mã vật tư riêng cho từng loại NVL và các loại được chia như sau:

NVL không phân chia thành NVL chính hay NVL phụ, mà tất cả NVL đều được coi là NVL chính, là đối tượng lao động chủ yếu của công ty, là cơ sở vật chất cấu thành nên SP. Ví dụ: xi măng, sắt, thép, gạch, ngói, đá...

Trong mỗi loại NVL lại được chia thành nhiều nhóm khác nhau như: xi măng trắng, xi măng PCB 30, thép ống mạ, thép tấm, gạch lát nền, gạch 2 lỗ...

Nhiên liệu: là loại NVL có tác dụng cấp nhiệt lượng cho các loại máy móc, xe cộ như xăng, dầu...

Phụ tùng thay thế: là chi tiết phụ tùng của các loại máy cày, máy ủi... và phụ tùng thay thế cho các loại xe như xăm lốp ô tô, mũi khoan...

Phế liệu thu hồi: gồm các đoạn thừa của thép, tre, gỗ không dùng được nữa, hoặc vỏ bao xi măng...

#### ❖ *Phân loại công cụ dụng cụ*

Dựa vào mục đích sử dụng thì toàn bộ CCDC trong doanh nghiệp được chia ra thành ba loại:

- Công cụ dụng cụ: bao gồm tất cả công cụ dụng cụ sử dụng phục vụ cho mục đích sản xuất, chế tạo sản phẩm...

- Bao bì luân chuyển: là những bao bì được luân chuyển nhiều lần dùng để chứa đựng vật tư, sản phẩm, hàng hóa. Sau mỗi lần xuất dùng, giá trị của bao bì luân chuyển giảm dần và được chuyển vào chi phí liên quan (chi phí thu mua, chi phí bán hàng).

- Đồ dùng cho thuê: bao gồm cả công cụ dụng cụ, bao bì luân chuyển được sử dụng để cho thuê. Cũng như bao bì luân chuyển, công cụ dụng cụ khác, sau mỗi lần xuất dùng giá trị của đồ dùng cho thuê bị giảm dần và được tính vào chi phí của hoạt động cho thuê.

#### ❖ *Đặc điểm công tác quản lý nguyên vật liệu, CCDC*

Kế toán ghi chép, theo dõi tình hình nhập- xuất- tồn kho vật tư cả về số lượng, chất lượng, giá trị. Tính giá trị của vật liệu xuất kho theo phương pháp thích hợp, phương pháp tính giá phải sử dụng nhất quán ít nhất là trong một niên độ kế toán.

Kế toán tính toán và phân bổ giá trị của vật tư sử dụng vào chi phí SX theo đúng chế độ quy định

Kế toán vận dụng đúng đắn các phương pháp hạch toán vật tư, hướng dẫn kiểm tra việc chấp hành các nguyên tắc, thủ tục nhập- xuất kho vật liệu. Kiểm tra hướng dẫn việc hạch toán nghiệp vụ của chủ kho, thường xuyên đối chiếu số liệu trên sổ kế toán với thẻ kho của thủ kho để xác định số tồn kho thực tế của từng thứ vật liệu.

Kiểm tra việc thực hiện kế hoạch thu mua, tình hình dự trữ và tiêu hao vật tư, phát hiện và xử lý kịp thời vật tư thừa, thiếu, ứ đọng, kém phẩm chất, ngăn ngừa việc sử dụng vật tư lãng phí.

Kế toán tham gia kiểm kê, đánh giá lại vật tư theo chế độ của nhà nước. Lập các báo cáo kế toán về vật tư phục vụ công tác lãnh đạo và quản lý, điều hành và phân tích kinh tế.

❖ *Nguồn cung cấp nguyên vật liệu- công cụ dụng cụ*

Chủ yếu công ty nhập vật tư từ các đối tác quen thuộc lâu năm như Công ty TNHH xây dựng và vận tải Phú Hưng, Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát, Công ty TNHH dịch vụ thương mại và thiết bị điện máy Song Long....

### **2.2.2 Phương pháp xác định giá trị nguyên vật liệu – công cụ dụng cụ**

❖ **Giá vật tư nhập kho**

*Nhập kho khi mua ngoài (có hợp đồng mua bán giữa hai bên)*

$$\begin{array}{rcccl} \text{Giá thực tế vật} & = & \text{Giá mua trên} & + & \text{Chi phí vận} \\ \text{tư nhập kho} & & \text{hóa đơn} & & \text{chuyển bốc dỡ} \end{array}$$

**VD:** Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0000590 và phiếu nhập kho số 103 Ngày 03/09/14, công ty nhập 776kg tôn mạ màu của công ty TNHH xây dựng vận tải Phúc Hưng, đơn giá 23.200 đ/kg, thuế GTGT 10%.

Vậy trị giá vật liệu nhập kho là:  $776 \times 23.200 = 18.003.200$  đồng

*Nhập kho khi thu hồi từ các công trình*

Do tính chất đặc thù của ngành xây dựng nên các công trình, hạng mục công trình sau khi hoàn thành thì các phế liệu thu hồi và một số vật liệu chưa sử dụng sẽ tiến hành nhập kho.

❖ **Giá vật tư xuất kho**

Công ty áp dụng phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO) để tính giá vật tư xuất kho. Theo phương pháp này thì cũng phải xác định được đơn giá thực tế của từng lần nhập nhưng khi xuất sẽ căn cứ vào số lượng và đơn giá thực tế

nhập kho lần cuối hiện có trong kho vào lúc xuất sau đó mới lần lượt đến các lần nhập trước để tính giá thực tế xuất kho.

**VD:** Tình hình tồn mạ màu của công ty trong tháng 9 năm 2014 như sau:

- Tồn kho đầu kỳ: 145,2 kg, giá thực tế nhập kho 23.000đ/kg
- Mua vào ngày 03/09: mua 776kg, đơn giá 23.200đ/kg
- Xuất dùng vào ngày 20/09: xuất cho sản xuất 775,8kg

Theo phương pháp LIFO, vật liệu nào nhập kho sau, khi xuất vật liệu thì xuất ra trước, giá vật liệu xuất dùng được tính theo giá nhập kho lần sau cùng, xong mới tính theo giá nhập kho lần trước. Theo ví dụ trên, giá thực tế vật liệu xuất được tính như sau:

- Ngày 20/09: 775,8kg x 23.200đ = 17.998.560đ

Vậy giá trị xuất kho của 775,8kg tồn mạ màu trong ngày 03/09 là 17.998.560 với đơn giá là 23.200đ/kg.

### **2.2.3. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu**

#### **2.2.3.1 Chứng từ, sổ kế toán sử dụng**

*Chứng từ*

- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Phiếu nhập kho
- Phiếu xuất kho

*Sổ kế toán:*

- Thẻ kho
- Sổ chi tiết vật tư
- Sổ tổng hợp vật tư, hàng hóa phát sinh.

#### **2.2.3.2 Thủ tục nhập – xuất NVL, CCDC tại Công ty TNHH xây lắp Tràng Khê**

##### **➤ Thủ tục nhập kho**

*NVL, CCDC nhập kho từ nguồn mua ngoài:*

Theo chế độ kế toán quy định, tất cả các loại vật liệu về đến đơn vị đều phải tiến hành kiểm nhận và làm thủ tục nhập kho.

Khi vật liệu được chuyển đến đơn vị, người đi nhận hàng (nhân viên tiếp liệu) phải mang hoá đơn của bên bán vật liệu, công cụ dụng cụ lên phòng vật tư; trong hoá đơn đã ghi rõ các chỉ tiêu: chủng loại, quy cách vật liệu, khối lượng vật liệu, đơn giá vật liệu, thành tiền, hình thức thanh toán...

Khi NVL về đến công ty, người mua NVL sẽ mang hóa đơn mua hàng như: hóa đơn GTGT, hóa đơn cước phí vận chuyển lên phòng kế toán. Sau đó thủ kho và kế toán vật tư sẽ kiểm tra số lượng, quy cách vật tư so với hóa đơn, nếu đúng mới nhập kho, đồng thời lập 2 liên phiếu nhập kho:

- Một liên giao cho người đã mua vật liệu để nhập vật tư vào kho sau đó giao cho thủ kho, thủ kho tiến hành ghi vào thẻ kho

- Một liên ghim vào hoá đơn chuyển sang kế toán nhập vật tư để thanh toán.

Toàn bộ chi phí vận chuyển, bảo quản, chi phí liên quan đến vận chuyển vật tư, đơn vị thường dùng tiền mặt hoặc tiền gửi ngân hàng để thanh toán, kế toán căn cứ vào chứng từ cụ thể tập hợp riêng vào khoản mục vật tư.

**VD 1:** Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0000590 (*Biểu 2.2.1*), Ngày 03/09/14, công ty nhập 776kg tôn mạ màu của công ty TNHH xây dựng vận tải Phúc Hưng, đơn giá 23.200đ/kg, số tiền là 18.003.200 (chưa VAT 10%), đã trả bằng tiền mặt. Thủ kho lập phiếu nhập kho (*Biểu 2.2.2*).

**Biểu 2.2.1**

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Mẫu số: 01GTKT3/001

Liên 2 (giao cho người mua)

Ký hiệu: AA/14P

Ngày 03 tháng 09 năm 2014

Số: 0000590

Đơn vị bán hàng: **Công ty TNHH xây dựng và vận tải Phú Hưng**

Mã số thuế: 0200818089

Địa chỉ: Trung Sơn, xã Ngũ Lão, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng

Số tài khoản: 321.4000.698917.7

Họ và tên người mua: Nguyễn Văn Việc

Tên đơn vị: **Công ty TNHH xây lắp TràngKênh**

Mã số thuế: 0201573579

Địa chỉ: Minh Đức, Thủy Nguyên, Hải Phòng

Hình thức thanh toán: Tiền mặt

<b>STT</b>	<b>Tên hàng hóa, dịch vụ</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Đơn giá</b>	<b>Thành tiền</b>
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Tôn mạ màu	Kg	776	23.200	18.003.200
Cộng tiền hàng					18.003.200
Thuế suất thuế GTGT: 10% Tiền thuế GTGT					1.800.320
Tổng cộng tiền thanh toán					19.803.520
<b>Số tiền viết bằng chữ:</b> <i>mười chín triệu tám trăm lẻ ba nghìn năm trăm hai mươi nghìn đồng.</i>					

Ngày 03 tháng 09 năm 2014

**Người mua hàng**

**Người bán hàng**

**Thủ trưởng đơn vị**

*(ký, ghi họ tên)*

*(ký, ghi họ tên)*

*(Đóng dấu, ký ghi họ tên)*

**Biểu 2.2.2**

**SỞ KH & ĐT HẢI PHÒNG**  
**Công ty TNHH xây lắp Tràng Kênh**

Minh Đức, Thủy Nguyên, Hải Phòng

**Mẫu số 01 – VT**  
*(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC*  
*ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)*

**PHIẾU NHẬP KHO**

Ngày 03 tháng 09 năm 2014

Số : 103

Nợ: 152

Có: 1111

- Nhập của ông bà: Bùi Thị Bích Ngọc
- Địa chỉ: Công ty
- Nội dung: Trả tiền mua tôn mạ màu
- Nhập kho tại: công ty TNHH xây lắp Tràng Kênh

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
01	Tôn mạ màu	TMạ	Kg	776	776	23.200	18.003.200
<b>Tổng cộng</b>							18.003.200

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): *Mười tám triệu không trăm lẻ ba nghìn hai trăm đồng*
- Số chứng từ gốc kèm theo: HĐ số 0000590

Ngày 03 tháng 09 năm 2014

**Người lập phiếu**  
*(Ký, họ tên)*

**Người giao hàng**  
*(Ký, họ tên)*

**Thủ kho**  
*(Ký, họ tên)*

**Kế toán trưởng**  
*(Ký, họ tên)*

➤ **Thủ tục xuất kho**

NVL chủ yếu được xuất cho các đội xây dựng của doanh nghiệp để thi công. Căn cứ vào số lượng vật tư yêu cầu, phòng vật tư lập phiếu gồm 2 liên. Người nhận mang 2 liên phiếu xuất đến kho nhận vật tư. Thủ kho giữ lại 1 liên để vào thẻ kho rồi chuyển cho kế toán NVL hạch toán. Liên còn lại gửi đến công trường xây dựng để phục vụ cho việc kiểm tra số lượng, chất lượng NVL xuất kho.

**VD 2:** Ngày 24/9/2014, xuất kho nguyên vật liệu để phục vụ cho việc sửa chữa các hạng mục của Chinfon, trong đó 775,8kg tôn mạ màu, đơn giá xuất 23.200đ/kg. Thủ kho lập phiếu xuất kho PX97 (*Biểu 2.2.3*)

**Biểu 2.2.3**

**SỞ KH & ĐT HẢI PHÒNG**  
**Công ty TNHH xây lắp Tràng Kênh**  
 Minh Đức, Thủy Nguyên, Hải Phòng

**Mẫu số 02 – VT**  
*(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
 ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)*

**PHIẾU XUẤT KHO**

Ngày 24 tháng 09 năm 2014

Số : 110

Nợ: 154

Có: 152

- Họ và tên người nhận hàng: Bùi Thị Bích Ngọc
- Lý do xuất kho: Xuất vật tư sửa chữa các hạng mục của Chinfon
- Xuất tịa kho: công ty TNHH xây lắp Tràng Kênh Địa điểm:

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
01	Gạch 2 lỗ	G2	Viên	20.000	20.000	900	18.000.000
02	Tôn mạ màu	TMạ	Kg	775,8	775,8	23.200	17.998.560
03	Thép ống hộp mạ	THMạ	Kg	1.108,2	1.108,2	16.400	18.174.480
<b>Tổng cộng</b>							44.173.040

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): *Bốn mươi bốn triệu một trăm bảy mươi ba nghìn không trăm bốn mươi đồng*
- Số chứng từ gốc kèm theo: ... Ngày 24 tháng 09 năm 2014

**Người lập phiếu**  
*(Ký, họ tên)*

**Người nhận hàng**  
*(Ký, họ tên)*

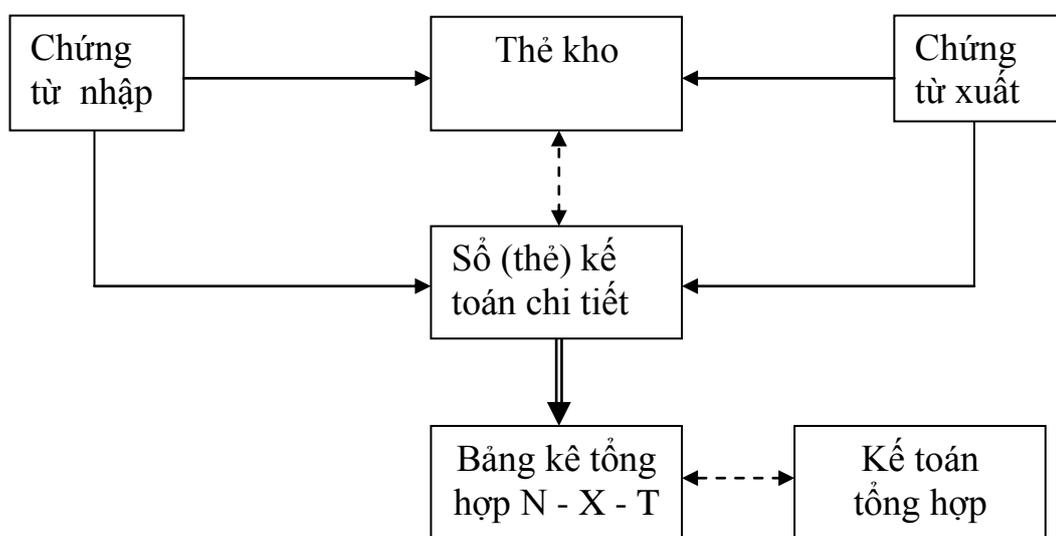
**Thủ kho**  
*(Ký, họ tên)*

**Kế toán trưởng**  
*(Ký, họ tên)*

**Giám đốc**  
*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Quá trình nhập xuất tại công ty diễn ra thường xuyên nên công ty đã lựa chọn hạch toán chi tiết NVL, CCDC theo phương pháp thẻ song song. Kế toán chi tiết NVL, CCDC được thực hiện song song giữa kho và phòng kế toán trong việc quản lý vật liệu để phản ánh chính xác, kịp thời, đầy đủ sự biến động của vật liệu làm cơ sở cho việc ghi sổ kế toán và kiểm tra sự giám sát sự biến động của chúng. Trình tự ghi sổ được khái quát theo sơ đồ sau:

**Sơ đồ 1.1: Trình tự ghi sổ kế toán chi tiết NVL -CCDC theo phương pháp thẻ song song**



\* Ghi chú:

- Ghi hàng ngày  →
- Ghi cuối tháng  →
- Kiểm tra, đối chiếu  ↔

Cụ thể:

**Ở kho:** Thủ kho dùng thẻ kho để phản ánh tình hình nhập, xuất tồn vật liệu, công cụ dụng cụ về mặt số lượng.

Khi nhận các chứng từ nhập, xuất vật liệu, công cụ dụng cụ, thủ kho phải kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của chứng từ rồi tiến hành ghi chép số thực nhập, thực xuất vào chứng từ thẻ kho. Cuối ngày tính ra số tồn kho ghi vào thẻ kho. Định kỳ thủ kho gửi (hoặc kế toán xuống kho nhận) các chứng từ xuất, nhập đã được phân loại theo từng thứ vật liệu, công cụ dụng cụ cho phòng kế toán.

**Ở phòng kế toán:** Kế toán sử dụng sổ (thẻ) kế toán chi tiết vật liệu, công cụ dụng cụ để ghi chép tình hình nhập, xuất, tồn kho theo chỉ tiêu hiện vật và giá

trị. Về cơ bản, sổ (thẻ) kế toán chi tiết vật liệu, công cụ dụng cụ có kết cấu giống như thẻ kho nhưng có thêm các cột để ghi chép theo chỉ tiêu giá trị. Cuối tháng kế toán cộng sổ chi tiết vật liệu, công cụ dụng cụ và kiểm tra đối chiếu với thẻ kho. Ngoài ra để có số liệu đối chiếu, kiểm tra với kế toán tổng hợp cần phải tổng hợp số liệu trên sổ chi tiết vào Bảng tổng hợp nhập, xuất, tồn kho vật liệu, công cụ dụng cụ theo từng nhóm, loại vật liệu, công cụ dụng cụ.

**VD 3:** Tiếp VD 1 và VD 2

- Căn cứ vào HĐ GTGT00590, PX 110 thủ kho ghi thẻ kho (*Biểu 2.2.4*)
- Căn cứ vào HĐ GTGT00590, PX 110 kế toán vật liệu ghi sổ chi tiết vật liệu Tôn mạ màu (*Biểu 2.2.5*)
- Cuối tháng, từ sổ chi tiết vào bảng tổng hợp nhập, xuất, tồn (*Biểu 2.2.6*)

**Biểu 2.2.4**

**SỔ KH & ĐT HẢI PHÒNG**

**Công ty TNHH xây lắp Trảng Kênh**

Minh Đức, Thủy Nguyên, Hải Phòng

**Mẫu số S09 - DNN**

*(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC*

*ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC*

**THẺ KHO (SỔ KHO)**

Năm 2014

Mã hiệu: TMạ

Tên VTHH: Tôn mạ màu

Đơn vị tính: Kg

STT	Ngày tháng	SHCT		Diễn giải	Ngày nhập, xuất	Số lượng			Ký xác nhận của kế toán
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn	
A	B	C	D	E	F	1	2	3	4
Tồn đầu kỳ:						<b>145,2</b>			
				.....					
56	03/09/14	103		Mua tôn mạ màu nhập kho	03/09/14	776		1.557,2	
57	24/09/14		110	Xuất VT sc HM Chinfon	24/09/14		775,8	781,4	
				.....					
<b>Tổng cộng</b>						<b>3.326,8</b>	<b>3.384,7</b>	<b>87,3</b>	

- Số này có: ... trang, đánh số từ trang 1 đến trang ...

- Ngày mở sổ: ...

Ngày ... tháng ... năm .....

**Thủ kho**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu 2.2.5**

**SỔ KH & ĐT HẢI PHÒNG**

**Công ty TNHH xây lắp Trảng Kênh**

Minh Đức, Thủy Nguyên, Hải Phòng

**Mẫu số S07 – DNN**

*(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC*

*ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC*

**SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)**

Năm 2014

Mã hiệu: TMa

Tên VTHH: Tôn mạ màu

Đơn vị tính: Kg

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
SH	NT				SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền
Số dư đầu kỳ			23.000						145,2	3.339.600
		.....								
HĐ 590	03/09/14	Mua tôn mạ màu nhập kho	111	23.200	776	18.003.200				
PX 110	24/09/14	Xuất VT sc HM Chinfon	154	23.200			775,8	17.998.560		
		.....								
Số dư cuối kỳ									87,3	2.025.360
<b>Tổng cộng</b>					<b>3.326,8</b>	<b>77.181.760</b>	<b>3.384,7</b>	<b>78.525.040</b>		

- Số này có: ... trang, đánh số từ trang 1 đến trang ...

- Ngày mở sổ: ...

Ngày ... tháng ... năm .....

**Thủ kho**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu 2.2.6**

**SỞ KH & ĐT HẢI PHÒNG**

**Công ty TNHH xây lắp Tràng Kênh**

**Minh Đức, Thủy Nguyên, Hải Phòng**

**Mẫu số S08 – DNN**

*(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC*

*ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC*

**BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT VẬT TƯ – HÀNG HÓA**

Tài khoản 152: Nguyên vật liệu

Năm 2014

Kho: CTY – Công ty

STT	Mã HH	Tên quy cách, vật tư	SỐ TIỀN				Ghi chú
			Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ	
01	XM	Xi măng	129.587.390	1.559.039.700	1.602.825.728	85.801.362	
02	TMạ	Tôn mạ màu	3.339.600	77.181.760	78.525.040	2.025.360	
03	ĐINH	Đinh	2.202.730	6.696.700	8.450.200	432.530	
04	THMạ	Thép hộp mạ	8.600.907	31.160.000	32.314.560	8.542.760	
		....					
<b>Tổng cộng</b>			<b>629.022.875</b>	<b>9.938.714.775</b>	<b>10.460.686.760</b>	<b>107.050.890</b>	

Lập, ngày... tháng...năm...

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

#### 2.2.4. Kế toán tổng hợp NVL-CCDC

Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ là việc phản ánh một cách tổng quát tình hình nhập, xuất nguyên vật liệu thông qua các tài khoản kế toán. Để phục vụ cho công tác hạch toán tổng hợp vật tư, công ty TNHH xây lắp Tràng Kênh sử dụng phương pháp kê khai thường xuyên. Theo phương pháp này, tình hình biến động nhập, xuất, tồn kho vật tư tại công ty được ghi chép, phản ánh một cách thường xuyên liên tục. Vì vậy, giá trị vật tư của công ty trên sổ kế toán có thể được xác định ở bất cứ thời điểm nào trong kỳ hạch toán.

*Chứng từ sử dụng:*

- Hoá đơn GTGT
- Phiếu nhập kho
- Phiếu xuất kho

*Tài khoản sử dụng:*

- TK 152 – Nguyên liệu, vật liệu.
- TK 153 - CCDC
- TK liên quan: TK 111, TK 331, TK 133, TK 154...

*Sổ sách sử dụng:*

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái

*Quy trình hạch toán:* Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ. Trước hết, ghi nghiệp vụ vào sổ nhật ký chung. Sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ nhật ký chung để ghi vào sổ cái, theo các tài khoản kế toán phù hợp. Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh.

Như vậy, từ các chứng từ gốc (hóa đơn GTGT, phiếu xuất kho) kế toán lập Nhật ký chung, từ sổ Nhật ký chung ghi vào các sổ cái TK 152

**VD4:** tiếp VD1 và VD 2

- Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0000590 và phiếu xuất kho PX110, kế toán lập sổ Nhật ký chung (*Biểu 2.2.7*)
- Căn cứ vào sổ Nhật ký chung, kế toán ghi ra sổ cái TK 152 (*Biểu 2.2.8*)

**Biểu 2.2.7**

**SỞ KH & ĐT HẢI PHÒNG**

**Công ty TNHH xây lắp Tràng Kênh**  
 Minh Đức, Thủy Nguyên, Hải Phòng

**Mẫu số S03a – DNN**

*(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
 ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)*

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2014

*Đơn vị tính: VNĐ*

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	ĐG SC	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT				Nợ	Có
			...				
3/9/14	HD 0590	03/9	Mua tôn mạ màu nhập kho	✓	152	18.003.200	
			GTGT khấu trừ	✓	133	1.800.320	
			Trả tiền mua tôn mạ màu	✓	111		19.803.520
			.....				
24/9/1 4	PX 110	24/9	Xuất vật liệu sửa chữa HM Chinfon	✓	154	44.173.040	
				✓	152		44.173.040
			.....				
			<b>Cộng SPS</b>			<b>952.690.756.920</b>	<b>952.690.756.920</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Người ghi sổ**  
*(Ký, họ tên)*

**Kế toán trưởng**  
*(Ký, họ tên)*

**Giám đốc**  
*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

**Biểu 2.2.8**

**SỔ KH & ĐT HẢI PHÒNG**

**Mẫu số S03b- DNN**

Công ty TNHH xây lắp Tràng Kênh (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
Minh Đức, Thủy Nguyên, Hải Phòng ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN 152**

Tên tài khoản: Nguyên vật liệu

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu kỳ</b>		<b>629.022.875</b>	
	....	...	.....	.....	.....	.....
3/9/14	HĐ 0590	3/9	Mua tôn mạ màu nhập kho	111	18.003.200	
18/9/14	HĐ 0289	18/9	Trả tiền mua thép ống hộp mạ	111	18.179.400	
20/09/14	PX 97	20/0 9	Xuất vật tư làm công trình cho cty K.Sản	154		33.760.000
			.....	...	...	...
24/09/14	PX 110	24/0 9	Xuất NVL sc hạng mục cho Chinfon	154		44.173.040
			.....	...	...	...
15/10/14	PX 100	15/1 0	Xuất dầu DO cho các máy công nghiệp	154		17.820.273
12/11/14	PX 107	12/1 1	Xuất vật tư cho HĐ CFC-14-816	154		31.808.000
			.....	...	...	...
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>9.938.714.775</b>	<b>10.460.686.700</b>
			<b>Số dư cuối kỳ</b>		<b>107.050.890</b>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Thủ tục nhập – xuất kho CCDC cũng được tiến hành tương tự thủ tục nhập xuất NVL

**VD 5:** Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0000082 (*Biểu 2.2.9*), ngày 14/09/2014, công ty mua thiết bị xây dựng của công ty TNHH dịch vụ thương mại và TB điện máy Song Long, số tiền 33.760.000 (chưa VAT 10%), đã trả bằng TGNH. Thủ kho lập phiếu nhập kho (*Biểu 2.2.10*)

**Biểu 2.2.9**

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Mẫu số: 01GTKT3/001

Liên 2 (giao cho người mua)

Ký hiệu: AA/14P

Ngày 14 tháng 09 năm 2014

Số: 0000082

Đơn vị bán hàng: **Cty TNHH dịch vụ thương mại và TB điện máy Song Long**

Mã số thuế: 0201191724

Địa chỉ: Tiểu khu Thọ Xuân, thị trấn Núi Đèo, huyện Kiến Thụy, tp Hải Phòng

Số tài khoản: 32110000674895

Họ và tên người mua: Nguyễn Văn Việc

Tên đơn vị: **Công ty TNHH xây lắp TràngKênh**

Mã số thuế: 0201573579

Địa chỉ: Minh Đức, Thủy Nguyên, Hải Phòng

Hình thức thanh toán: chuyển khoản

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
01	Máy đầm cóc	Chiếc	1	26.000.000	26.000.000
02	Máy khoan	Chiếc	3	2.000.000	6.000.000
03	Máy bơm	Chiếc	4	350.000	1.400.000
04	Cuốc	Chiếc	20	6.000	120.000
05	Xẻng	Chiếc	20	12.000	240.000
Cộng tiền hàng					33.760.000
Thuế suất thuế GTGT: 10% Tiền thuế GTGT					3.376.000
Tổng cộng tiền thanh toán					37.136.000
<b>Số tiền viết bằng chữ: Ba mươi bảy triệu một trăm ba mươi sáu nghìn đồng</b>					

Ngày 14 tháng 09 năm 2014

**Người mua hàng**  
(ký, ghi họ tên)

**Người bán hàng**  
(ký, ghi họ tên)

**Thủ trưởng đơn vị**  
(Đóng dấu, ký ghi họ tên)

**Biểu 2.2.10**

**SỞ KH & ĐT HẢI PHÒNG** **Mẫu số 01 – VT**  
**Công ty TNHH xây lắp Tràng Kênh** (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
 Minh Đức, Thủy Nguyên, Hải Phòng ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

**PHIẾU NHẬP KHO**

Ngày 14 tháng 09 năm 2014 Nợ: 153  
 Số : 112 Có: 112

- Nhập của ông bà: Lê Thanh Hưng
- Địa chỉ: Công ty
- Nội dung: Mua thiết bị xây dựng trả bằng TGNH
- Nhập kho tại: công ty TNHH xây lắp Tràng Kênh

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm HH	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo CT	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
01	Máy đầm cóc		Chiếc	1	1	26.000.000	26.000.000
02	Máy khoan		Chiếc	3	3	2.000.000	6.000.000
03	Máy bơm		Chiếc	4	4	350.000	1.400.000
04	Cuốc		Chiếc	20	20	6.000	120.000
05	Xẻng		Chiếc	20	20	12.000	240.000
<b>Cộng</b>							33.760.000

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): Ba mươi ba triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng
- Số chứng từ gốc kèm theo: HĐ số 000082

Ngày 14 tháng 09 năm 2014

**Người lập phiếu**      **Người giao hàng**      **Thủ kho**      **Kế toán trưởng**  
 (Ký, họ tên)      (Ký, họ tên)      (Ký, họ tên)      (Ký, họ tên)

**VD 6:** Ngày 20/9/2014, xuất kho CCDC để làm công trình cho công ty Khoáng sản, (trong đó có 1 chiếc máy đầm cóc, đơn giá 26.000.000 đồng/chiếc ). Thủ kho lập phiếu xuất kho PX97 (*Biểu 2.2.11*)

**Biểu 2.2.11**

**SỞ KH & ĐT HẢI PHÒNG**

**Mẫu số 02 – VT**

**Công ty TNHH xây lắp Tràng Kênh** (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Minh Đức, Thủy Nguyên, Hải Phòng ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

**PHIẾU XUẤT KHO**

Ngày 20 tháng 09 năm 2014 Nợ: 154

Số : 97 Có: 153

- Họ và tên người nhận hàng: Bùi Thị Bích Ngọc
- Lý do xuất kho: Xuất CCDC làm công trình cho công ty Khoáng sản
- Xuất tại kho: công ty TNHH xây lắp Tràng Kênh Địa điểm:

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm HH	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo CT	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
01	Máy đầm cóc		Chiếc	1	1	26.000.000	26.000.000
02	Máy khoan		Chiếc	3	3	2.000.000	6.000.000
03	Máy bơm		Chiếc	4	4	350.000	1.400.000
04	Cuốc		Chiếc	20	20	6.000	120.000
05	Xẻng		Chiếc	20	20	12.000	240.000
<b>Tổng cộng</b>							33.760.000

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): Ba mươi ba triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng.

- Số chứng từ gốc kèm theo:...

Ngày ... tháng ... năm....

<b>Người lập phiếu</b>	<b>Người nhận hàng</b>	<b>Thủ kho</b>	<b>Kế toán trưởng</b>	<b>Giám đốc</b>
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)

**VD 7:** Tiếp VD 5 và VD 6

- Căn cứ vào PN 112, PX 97 thủ kho ghi thẻ kho (*Biểu 2.2.12*)
- Căn cứ vào PN 112, PX 97 kế toán vật liệu ghi sổ chi tiết vật tư (*Biểu 2.2.13*)
- Cuối tháng, từ sổ chi tiết vào bảng tổng hợp nhập, xuất, tồn (*Biểu 2.2.14*)

Thẻ kho được mở tương tự với các vật tư khác, như: máy khoan, máy bơm, cuốc, xẻng ....

**Biểu 2.2.12**

**SỞ KH & ĐT HẢI PHÒNG**  
**Công ty TNHH xây lắp Tràng Kênh**  
 Minh Đức, Thủy Nguyên, Hải Phòng

**Mẫu số S09 – DNN**  
*(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC*  
*ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC*

**THẺ KHO (SỔ KHO)**

Năm 2014

Mã hiệu: MĐcoc  
 Tên VTHH: Máy đầm cóc  
 Đơn vị tính: chiếc

ST T	Ngày tháng	SHCT		Diễn giải	Ngày nhập, xuất	Số lượng			Ký xác nhận của kế toán
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn	
A	B	C	D	E	F	1	2	3	4
<b>Tồn đầu kỳ:</b>								-	
				...	...	...	...	...	
01	14/09/14	112		Mua thiết bị xây dựng	14/09/14	01		01	
02	20/09/14		97	Xuất CCDC làm cho công ty Khoáng sản	20/09/14		01	-	
				...	...			...	
<b>Tổng cộng</b>						<b>01</b>	<b>01</b>	<b>-</b>	

- Số này có: ... trang, đánh số từ trang 1 đến trang ...

- Ngày mở sổ: ...

Ngày ... tháng ... năm .....

**Thủ kho**  
*(Ký, họ tên)*

**Kế toán trưởng**  
*(Ký, họ tên)*

**Giám đốc**  
*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

**Biểu 2.2.13**

**SỞ KH & ĐT HẢI PHÒNG**  
**Công ty TNHH xây lắp Tràng Kênh**  
 Minh Đức, Thủy Nguyên, Hải Phòng

**Mẫu số S07 – DNN**  
*(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC*  
*ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)*

**CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)**

Năm 2014

Mã hiệu: MĐcoc

Tên VTHH: Máy đầm cóc

Đơn vị tính: chiếc

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn		Ghi chú
SH	NT				SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	
<b>Số dư đầu kỳ</b>									-	-	
HĐ 082	14/09/14	Mua thiết bị XD	112	26.000.000	01	26.000.000			01	20.00.000	
PX 97	20/09/14	Xuất CCDC làm công trình	154				01	26.000.000			
<b>Số dư cuối kỳ</b>									-	-	
<b>Tổng cộng</b>							01	20.000.000	01	26.000.000	- -

- Số này có: ... trang, đánh số từ trang 1 đến trang ...

- Ngày mở sổ: ...

Ngày ... tháng ... năm .....

**Thủ kho**  
*(Ký, họ tên)*

**Kế toán trưởng**  
*(Ký, họ tên)*

**Giám đốc**  
*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

**Biểu 2.2.14**

**Công ty TNHH xây lắp Tràng Kênh  
Minh Đức, Thủy Nguyên, Hải Phòng**

**Mẫu số S08 – DNN**  
*(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)*

**SỔ TỔNG HỢP CHI TIẾT VẬT TƯ – HÀNG HÓA**

Tài khoản 153: Công cụ dụng cụ

Năm 2014

Kho: CTY – Công ty

STT	Mã HH	Tên quy cách, vật tư	SỐ TIỀN				Ghi chú
			Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ	
..		....	...	...	...	...	
06	BAY	Bay	675.000	760.000	1.095.000	340.000	
07	CUOC	Cuốc	418.000	1.520.000	1.809.000	129.000	
08	MĐCoc	Máy đầm cóc	-	26.000.000	26.000.000	-	
09	MNK	Máy nén khí	-	20.000.000	-	20.000.000	
		....					
<b>Tổng cộng</b>			<b>67.950.000</b>	<b>338.714.750</b>	<b>245.570.430</b>	<b>161.094.320</b>	

Lập, ngày... tháng... năm...

**Người lập biểu**  
*(Ký, họ tên)*

**Kế toán trưởng**  
*(Ký, họ tên)*

**Giám đốc**  
*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

**VD 8:** tiếp VD 5 và VD 6

- Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0000082 và phiếu xuất kho PX97, kế toán lập sổ Nhật ký chung (*Biểu 2.2.15*)

- Căn cứ vào sổ Nhật ký chung, kế toán ghi ra sổ cái TK 152 (*Biểu 2.2.16*)

**\* Phân bổ công cụ dụng cụ**

Căn cứ vào phiếu xuất kho PX97, kế toán nhận thấy:

Vì máy bơm nước, máy khoan, cuốc xẻng có giá trị nhỏ nên kế toán tính phân bổ 1 lần vào chi phí SXKD trong kỳ. Kế toán ghi:

Nợ TK 154: 7.7600.000

Có TK 153: 7.760.000

Đối với CCDC máy đầm cóc có giá trị lớn nên kế toán tính phân bổ 50% giá trị CCDC vào chi phí SXKD. Kế toán ghi:

Nợ TK 142: 26.000.000

Có TK 153: 26.000.000

Nợ TK 154: 13.000.000

Có TK 142: 13.000.000

Giá trị còn lại chờ đến khi nào CCDC hỏng thì kế toán sẽ phân bổ nốt giá trị còn lại của CCDC đó.

**Biểu 2.2.15**

**SỞ KH & ĐT HẢI PHÒNG**  
**Công ty TNHH xây lắp Tràng Kênh**  
 Minh Đức, Thủy Nguyên, Hải Phòng

**Mẫu số S03a – DNN**  
*(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC*  
*ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)*

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2014

*Đơn vị tính: VNĐ*

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	ĐG SC	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT				Nợ	Có
			...				
14/9/14	HĐ 0082	14/9	Mua CCDC trả bằng TGNH	✓	153	18.003.200	
			GTGT khấu trừ	✓	133	1.800.320	
			Trả tiền mua CCDC	✓	112		19.803.520
			.....				
20/9/14	PX 97	20/9	Xuất CCDC làm ct cho cty K.sản	✓	154	7.760.000	
				✓	153		7.760.000
20/9/14	PX 97	20/9	Phân bổ máy đầm cóc		142	26.000.000	
					153		26.000.000
			.....				
			<b>Cộng SPS</b>			<b>952.690.756.920</b>	<b>952.690.756.920</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Người ghi số**  
*(Ký, họ tên)*

**Kế toán trưởng**  
*(Ký, họ tên)*

**Giám đốc**  
*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

**Biểu 2.2.16**

**SỞ KH & ĐT HẢI PHÒNG**

**Mẫu số S03b- DNN**

**Công ty TNHH xây lắp Tràng Kênh** (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ- BTC

Minh Đức, Thủy Nguyên, Hải Phòng ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN 153**

Tên tài khoản: Công cụ dụng cụ

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VNĐ

NT	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu kỳ</b>		<b>67.950.000</b>	
	....	...	.....	.....	.....	.....
15/4/14	HĐ 0065	15/06	Mua mũi khoan \$32	111	603.000	
	....	...	.....	.....	.....	.....
17/07/14	PX 79	17/07	Xuất CCDC cho BPSX	154		3.450.000
	....	...	.....	.....	.....	.....
14/09/14	HĐ 0082	14/09	Mua thiết bị XD	112	33.760.000	
20/09/14	PX 97	20/09	Xuất CCDC làm công trình cho cty Khoáng sản	154		7.760.000
20/09/14	PX 97	20/09	Xuất CCDC làm công trình cho cty Khoáng sản	142		26.000.000
	....	...	.....	.....	.....	.....
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>338.714.750</b>	<b>245.570.430</b>
			<b>Số dư cuối kỳ</b>		<b>161.094.320</b>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

### CHƯƠNG 3

## MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU VÀ CÔNG CỤ DỤNG CỤ TẠI CÔNG TY TNHH XÂY LẮP TRÀNG KÊNH

### 3.1. Nhận xét chung về công tác kế toán NVL và CCDC tại Công ty TNHH xây lắp Tràng Kênh

#### 3.1.1. Những ưu điểm và kết quả đạt được

Về bộ máy quản lý: Với bộ máy quản lý gọn nhẹ, các phòng ban chức năng phục vụ có hiệu quả, giúp lãnh đạo công ty trong việc giám sát thi công, quản lý kinh tế, công tác tổ chức sản xuất, tổ chức hạch toán được tiến hành hợp lý, khoa học. Ngoài chức năng, nhiệm vụ riêng của từng phòng, các phòng còn phối hợp giúp đỡ nhau hoàn thành tốt nghiệp vụ được giao. Chính sự thống nhất trong công tác quản lý giữa các phòng ban trong công ty cũng như các phân hành kế toán trong bộ máy kế toán đã góp phần nâng cao hiệu quả quản lý của Ban lãnh đạo công ty.

Về hình thức kế toán: Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung. Đây là hình thức kế toán có ưu điểm là hệ thống sổ sách tương đối gọn nhẹ, việc ghi chép đơn giản. Bộ máy kế toán đã biết vận dụng một cách linh hoạt, sáng tạo có hiệu quả chế độ kế toán trên máy vi tính theo hình thức Nhật ký chung nhằm nâng cao trình độ cơ giới hóa công tác kế toán, phát huy hơn nữa vai trò của kế toán trong tình hình hiện nay.

Về công tác quản lý NVL và CCDC: Phòng kế hoạch và phòng quản lý vật tư vẫn luôn kết hợp chặt chẽ để đề ra kế hoạch thu mua hợp lý, không có tình trạng tồn đọng vật tư hay thiếu hụt vật tư phục vụ cho sản xuất. Mặt khác, công ty đã thiết lập được mối quan hệ lâu năm với những đơn vị cung ứng vật tư nên giá cả tương đối ổn định, từ đó tránh được tình trạng gián đoạn sản xuất. vật tư được sắp xếp khoa học, thuận tiện cho việc xuất nhập và kiểm tra.

Về kế toán chi tiết NVL và CCDC:

- Các thủ tục nhập – xuất kho được thực hiện tương đối chặt chẽ, các chứng từ được thiết lập đầy đủ, quy trình luân chuyển hợp lý, thuận lợi cho việc xuất kho và ghi chép kế toán

- Giá NVL, CCDC nhập kho được xác định theo giá thực tế, giá xuất kho được tính theo phương pháp nhập sau, xuất trước, tuân thủ theo nguyên tắc và chế độ kế toán hiện hành.
- Công ty sử dụng phương pháp thẻ song song để hạch toán chi tiết NVL và CCDC, từ đó giúp cho việc ghi chép đơn giản, dễ hiểu, dễ phát hiện kiểm tra và phát hiện sai sót.

Về hạch toán tổng hợp NVL và CCDC: Công ty đã sử dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán NVL và CCDC, phương pháp này phù hợp với tình hình biến động rất thường xuyên của vật tư, cung cấp những thông tin kịp thời, chính xác và NVL, CCDC. Hơn nữa, phòng kế toán có sự hỗ trợ của máy tính trong công tác kế toán nên việc lựa chọn phương pháp KCTX là hoàn toàn hợp lý.

### ***3.1.2. Những khó khăn tồn tại***

Mặc dù công ty đã áp dụng nhiều biện pháp, phân hành và chế độ kế toán mới nhưng công tác hạch toán kế toán nói chung và kế toán NVL -CCDC nói riêng tại công ty vẫn còn một số vấn đề sau:

- Về phân công lao động kế toán: Do việc tổ chức bộ máy gọn nhẹ, số lượng nhân viên còn ít, nên 1 nhân viên kế toán có thể đảm nhận thêm vài phần hành một lúc. Mặt khác, vì một lý do nào đó, nhân viên phải nghỉ làm một thời gian, người thay thế vị trí sẽ phải tìm hiểu lại về phần hành đó. Việc luân chuyển công việc sang vị trí mới gây khó khăn cho nhân viên trong việc phải làm quen, tiếp xúc với công việc thực tế.

- Về công tác quản lý vật liệu: công ty chưa xác định được hệ thống định mức vật tư cho sản xuất mà chỉ căn cứ vào tiến độ sản xuất và ước tính theo nhu cầu sản xuất để xuất kho, tức là khi nào hết thì xuất thêm, cho nên không tránh khỏi tình trạng sử dụng lãng phí NVL và CCDC.

- Vì là một công ty xây dựng nên lượng vật tư nhập tương đối lớn và đòi hỏi phải chất lượng nhưng công ty lại không thành lập ban kiểm nghiệm vật tư mà chỉ do người mua kiểm tra trước khi mua và thủ kho kiểm tra trước khi nhập kho, do đó mua vật tư không được kiểm tra kỹ lưỡng khách quan về số lượng, chất lượng cũng như chủng loại. Điều này dẫn đến tình trạng vật tư nhập kho không đảm bảo đúng quy cách, phẩm chất.

- Công tác bảo quản, bảo vệ kho: các kho ở nơi có công trình XD có vị trí, đặc điểm và địa hình rất đặc biệt. Việc quản lý NVL-CCDC còn chưa khoa học,

tình trạng hỏng hóc, chưa được phản ánh kịp thời, việc mất mát NVL-CCDC vẫn còn xảy ra, vật tư còn sắp xếp lộn lộn nên việc nhập-xuất còn tốn kém khá nhiều thời gian

- Về tình hình thu mua và sử dụng NVL, công cụ dụng cụ:

+ Đặc tính của doanh nghiệp xây dựng có nhiều NVL cần phải xuất dụng liên tục và đôi khi đồng thời phải xuất dùng cho hai đến ba công trình, nhưng kế toán lại không phân bổ rõ ràng chi phí NVL cho từng công trình, ước lượng số NVL đã dùng cho từng công trình rồi tính vào giá thành luôn. Điều này vừa gây lãng phí NVL, vừa gây khó khăn trong việc xác định chính xác giá thành cho từng công trình.

+ Khi thu mua CCDC không có phân loại chính thức, kế toán chỉ phân loại theo nơi sử dụng CCDC và khi xuất dùng tuy có phân bổ nhưng kế toán lại không lập bảng phân bổ CCDC.

### **3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại công ty TNHH xây lắp Tràng Kênh**

#### ***3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán NVL và CCDC tại công ty TNHH xây lắp Tràng Kênh***

Hoàn thiện công tác kế toán vật tư rất quan trọng đối với sự phát triển của các doanh nghiệp nói chung, cũng như của công ty TNHH xây lắp Tràng Kênh nói riêng. Nó góp phần cải thiện những điểm yếu mà công ty đang mắc phải, đồng nghĩa với việc giúp công ty phát triển hơn trong nền kinh tế cạnh tranh như ngày nay. Do yêu cầu của sự phát triển kinh tế cần thiết phải có những thông tin tài chính chính xác, hiệu quả, đáng tin cậy. Các thông tin kế toán vừa mang tính định tính, vừa mang tính định lượng, các thông tin này rất quan trọng đối với những đối tượng sử dụng thông tin. Thông tin kế toán cung cấp không chỉ quan trọng đối với bản thân doanh nghiệp mà còn rất quan trọng với Nhà nước trong việc kiểm tra tình hình chấp hành các chính sách, chế độ. Từ đó, nghiên cứu bổ sung chính sách, chế độ phù hợp với đặc điểm của công ty và điều kiện thực tế của đất nước.

Mỗi công ty khi hoạt động sản xuất kinh doanh đều mong muốn đạt hiệu quả kinh doanh cao. Công ty cần đưa ra những quyết định để tiết kiệm chi phí vật tư đầu vào, giảm giá thành, không ngừng nâng cao lợi nhuận. Để làm được điều đó, việc hoàn thiện công tác kế toán nói chung và kế toán NVL-CCDC nói riêng sẽ đảm bảo cho việc cung cấp kịp thời, đồng bộ, chính xác khối lượng định

mức dự trữ, tiêu hao vật tư, ngăn ngừa các hiện tượng hao hụt, mất, lãng phí trong tất cả các khâu của quá trình thu mua, bảo quản và xuất vật tư ra sản xuất

### ***3.2.2. Yêu cầu và nội dung hoàn thiện công tác kế toán NVL và CCDC tại công ty TNHH xây lắp Tràng Kênh***

Việc hoàn thiện công tác kế toán nói chung, kế toán vật tư nói riêng muốn có tính khả thi thì cần đáp ứng các yêu cầu sau:

- Thứ nhất, việc hoàn thiện công tác kế toán NVL và CCDC phải phù hợp với chế độ kế toán.

- Thứ hai, phải tính đến xu thế của nó trong tương lai. Điều này thực hiện việc hoàn thiện không chỉ dừng lại ở việc hoàn thiện theo đúng tiến độ kế toán hiện hành mà phải xem xét hoàn thiện sao cho kịp với chuẩn mực quốc tế.

- Thứ ba, việc hoàn thiện công tác này còn góp phần tạo điều kiện cho công tác kiểm tra kế toán dễ dàng hơn. Đồng thời, giúp cho những người quan tâm đến công ty hiểu hơn về thực tế tình hình tài chính của công ty.

- Thứ tư, hoàn thiện phải dựa trên cơ sở phù hợp với đặc điểm kinh doanh, đặc điểm tổ chức quản lý doanh nghiệp. Các DN bắt buộc phải áp dụng chế độ chuẩn mực kế toán nhưng được quyền vận dụng trong một phạm vi nhất định cho phù hợp với đặc điểm riêng của DN nhằm mang lại hiệu quả cao.

- Thứ năm, hoàn thiện phải đảm bảo đáp ứng được thông tin kịp thời, chính xác, phù hợp với yêu cầu quản lý.

- Thứ sáu, hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tiết kiệm chi phí vì mục đích của công ty là kinh doanh có lãi và đem lại hiệu quả cao.

### ***3.2.3. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán NVL và CCDC tại công ty TNHH xây lắp Tràng Kênh***

Qua quá trình thực tập tại Công ty TNHH xây lắp Tràng Kênh, em nhận thấy công tác kế toán NVL và CCDC còn có những hạn chế mà nếu được khắc phục thì phần hành kế toán này của công ty sẽ được hoàn thiện hơn và có hiệu quả cao hơn. Dưới góc độ là một sinh viên, em xin mạnh dạn đưa ra một vài ý kiến nhỏ về công tác kế toán vật tư tại công ty. Ý kiến mà e đề xuất dưới đây có thể chưa được tốt nhất, xong em hy vọng sẽ góp phần vào việc hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán nói chung và công tác kế toán NVL và CCDC nói riêng tại Công ty TNHH xây lắp Tràng Kênh.

- Thiết lập bộ máy kế toán liên kết chặt chẽ: công ty nên tuyển hoặc thuê thêm nhân viên phụ trách các phần hành như về tiền lương, tiền mặt, giá thành.

Trên thực tế thì 1 nhân viên có thể kiêm 2 phần hành khác nhau, nhưng nếu xảy ra các trường hợp không mong muốn như nhân viên nghỉ phép dài hạn vì lý do cá nhân hay công ty nhận xây dựng một công trình quá lớn, thì lúc này lượng công việc đối với 1 nhân viên kế toán là quá tải, không thể kiểm soát, tính toán chính xác được giá trị của từng mục, từng phần hành. Vì vậy, việc tăng cường lực lượng nhân viên kế toán là rất cần thiết, giúp quản lý công ty tốt hơn.

- Xây dựng hệ thống định mức tiêu hao NVL và CCDC: để sử dụng vật tư có hiệu quả, vừa hợp lý và vừa tiết kiệm, tránh trường hợp lãng phí và để tiện cho việc quản lý vật tư. Đồng thời, công ty nên trích lập các quỹ để có nguồn đầu tư máy móc, trang thiết bị hiện đại, tiêu hao ít nguyên liệu. Đồng việc, khuyến khích những người có sáng kiến tiết kiệm chi phí vật tư trong sản xuất, đồng thời cũng có những biện pháp phạt đối với những ai cố tình làm sai, ẩu, gây lãng phí vật tư.

- Việc quản lý vật tư ở công ty tương đối chặt chẽ và đảm bảo đúng nguyên tắc. Tuy nhiên, qua thực tế ở các đội tại nơi có các công trình XD, ta nhận thấy còn thiếu sót trong việc quản lý, gây lãng phí mất trật tự, việc giao nhận và thu mua còn chưa được đong đếm kỹ lưỡng. Để thuận tiện cho việc quản lý, công ty cần XD các nhà kho tạm thời để chứa vật tư, quản lý việc đong đếm chặt chẽ hơn để giảm bớt việc thất thoát vật tư một cách vô lý.

- Sử dụng phần mềm kế toán: Tuy đã áp dụng kế toán trên máy vi tính nhưng công ty vẫn chưa có phần mềm nào. Để công việc trở nên dễ dàng, gọn nhẹ hơn, công ty nên cài đặt thêm phần mềm kế toán phù hợp với đặc điểm của công ty, giúp cho Bộ máy kế toán quản lý chặt chẽ hơn NVL và CCDC tồn từ đầu kỳ, phát sinh cho đến cuối kỳ.

- Thành lập ban kiểm nghiệm vật tư: Vật tư mua về trước khi nhập kho cần phải kiểm nhận để xác định số lượng, chất lượng và quy cách thực tế vật tư. Do đó, công ty cần phải lập Ban kiểm nghiệm vật tư bao gồm những người chịu trách nhiệm về vật tư ở công ty, trong đó người chịu trách nhiệm chính là thủ kho. Trường hợp chưa có hoa đơn căn cứ vào hợp đồng mua bán để kiểm nhận. Trong quá trình kiểm nhận vật tư nhập kho, nếu phát hiện vật liệu thừa, thiếu hoặc sai quy cách, phẩm chất đã ghi trong hợp đồng phải lập biên bản xây dựng rõ nguyên nhân để tiện cho việc xử lý về sau. Nếu vật tư mua về công ty nhận đủ số lượng, chất lượng tốt, đúng quy cách thì Ban kiểm nghiệm cũng phải lập biên bản xác nhận.

Công ty có thể sử dụng mẫu bản kiểm nghiệm vật tư như sau:

**Đơn vị:** .....

**Mẫu số 03 - VT**

**Bộ phận:**.....

*(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)*

**BIÊN BẢN KIỂM KÊ VẬT TƯ, CÔNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA**

Ngày.....tháng.....năm.....

Số.....

- Căn cứ.....số.....ngày....tháng.....năm.....của.....

Ban kiểm nghiệm gồm:

- Ông/Bà:..... chức vụ..... Đại diện..... Trưởng ban

- Ông/Bà:..... chức vụ..... Đại diện..... Ủy viên

- Ông/Bà:..... chức vụ..... Đại diện..... Ủy viên

Đã kiểm nghiệm các loại:

STT	Tên nhãn hiệu, quy cách vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Phương thức kiểm nghiệm	Đơn vị tính	Số lượng theo chứng từ	Kết quả kiểm nghiệm		Ghi chú
						Số lượng đúng quy cách, phẩm chất	Số lượng không đúng quy cách, phẩm chất	
A	B	C	D	E	1	2	3	F

Ý kiến của Ban kiểm nghiệm.....

**Đại diện kỹ thuật**  
*(Ký, họ tên)*

**Thủ kho**  
*(Ký, họ tên)*

**Trưởng ban**  
*(Ký, họ tên)*

- Mở bảng phân bổ NVL và CCDC theo đúng quy định của chế độ kế toán theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC do Bộ tài chính ban hành. Đối với NVL và CCDC trong công ty xây lắp, nên lập bảng phân bổ CCDC để tránh gây lãng phí và sử dụng sai mục đích. Đồng thời, kế toán cần tổ chức phân loại CCDC phù hợp với yêu cầu quản lý của công ty và theo dõi, quản lý chặt chẽ việc xuất dung và sử dụng NVL, CCDC. Đặc điểm của CCDC là tham gia vào nhiều chu kỳ sản xuất kinh doanh, vì vậy kế toán cần tiến hành lập bảng phân bổ CCDC để thuận tiện cho việc xác định một cách chính xác giá trị CCDC chuyển dịch vào chi phí sản xuất. Dưới đây là mẫu bảng phân bổ NVL và CCDC mà công ty có thể áp dụng:

**SỞ KH & ĐT HẢI PHÒNG**

**Mẫu số 07 - VT**

**Công ty TNHH xây lắp Tràng Khê**  
 Minh Đức, Thủy Nguyên, Hải Phòng

*(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
 ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC*

**BẢNG PHÂN BỐ CÔNG CỤ, DỤNG CỤ**

Tháng 9 năm 2014

Ghi Có  Ghi Nợ	TK 152		TK 153		TK 142	TK 242
	Giá hạch toán	Giá thực tế	Giá hạch toán	Giá thực tế		
TK 154 – Chi phí sản xuất kinh doanh dờ dang						
TK 642 – Chi phí quản lý kinh doanh						
TK 142 – Chi phí trả trước ngắn hạn						
TK 242 – Chi phí trả trước dài hạn						
.....						
<b>Cộng</b>						

Ngày... tháng... năm...

**Người ghi sổ**  
*(Ký, họ tên)*

**Kế toán trưởng**  
*(Ký, họ tên)*

## KẾT LUẬN

Trong xu thế đổi mới mạnh mẽ về quản lý và nhiệm vụ cải cách hành chính đang đặt ra ở nước ta, vấn đề cải cách và hạch toán kế toán có tầm quan trọng trong việc quản lý tài sản và điều hành các hoạt động SXKD của DN. Nó trở thành công cụ sắc bén có hiệu lực phục vụ cho việc quản lý kinh tế.

Công tác kế toán NVL và CCDC không phải là đề tài nghiên cứu mới mẻ của thế hệ sinh viên. Nhưng cũng không bao giờ là vấn đề lạc hậu đối với thế hệ sinh viên ngày nay và đối với các doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường này.

Thời gian thực tập tại công ty TNHH xây lắp Tràng Kênh là dịp để em vận dụng những kiến thức từ lý thuyết vào công việc thực tế. Mặc dù có sự chênh lệch nhưng vẫn giúp em nhận thấy rằng: Chỉ dựa vào những kiến thức đã học ở trường là chưa đủ. Vì vậy, thực tập cuối khóa là bước đi đầu tiên của sự vận dụng các kiến thức vào công việc chuyên ngành. Và cũng trong thời gian thực tập, e đã nhận được sự quan tâm giúp đỡ thường xuyên của lãnh đạo Công ty cùng toàn thể cán bộ nhân viên trong phòng kế toán và cô giáo Phạm Thị Mai Quyên đã nhiệt tình hướng dẫn, giúp đỡ em hoàn thành bài học thực tế một cách tốt nhất.

Mặc dù đã cố gắng rất nhiều, nhưng do trình độ còn hạn chế và lượng thời gian có hạn, kinh nghiệm thực tế chưa có, nên em chưa có điều kiện để đi sâu nghiên cứu đề tài một cách toàn diện. Vì thế, khi hoàn thiện đề tài này, em không thể tránh khỏi những thiếu sót, trong quá trình trình bày. Vì vậy, em rất mong được sự đóng góp ý kiến của các thầy cô giáo và các bạn để đề tài của em được hoàn thiện hơn.

*Em xin chân thành cảm ơn!*